



ISO 9001
ISO 22000

TẬP ĐOÀN DABACO
DABACO GROUP



2011

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

Tel: 0241. 3826 077/ Fax: 0241. 3896 000

Website: <http://www.dabaco.com.vn>

MỤC LỤC

GIỚI THIỆU CÔNG TY

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG

QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

GIỚI THIỆU CÔNG TY

- Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: **Ông Nguyễn Như So**
- Tên Tiếng Việt: Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam
- Tên Tiếng Anh: DABACO GROUP
- Tên viết tắt: DABACO
- Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh
- Điện thoại: 0241 3826 077
- Fax: 0241 3896 000
- Website: www.dabaco.com.vn/ www.dabaco.vn
- Email: contact@dabaco.com.vn
- Vốn điều lệ: 484.099.600.000 đồng (tính đến ngày 24/02/2012)
- Tên chứng khoán: Cổ phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
- Mã chứng khoán: DBC
- Sàn niêm yết: Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX)
- Cổ tức năm 2011: 20%/cổ phần
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Số 2300105790 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 23/12/2004, thay đổi lần thứ 13 ngày 24/02/2012.

HÀNH TRÌNH PHÁT TRIỂN

BAN ĐẦU	Từ một công ty được thành lập với số vốn chỉ có 657 triệu đồng, với 30 cán bộ công nhân viên, doanh thu đạt 40 triệu đồng/năm
ĐẾN NAY	Một tập đoàn đa ngành nghề với tổng tài sản trên 3.000 tỷ đồng, doanh thu đạt gần 5.000 tỷ đồng, với gần 30 đơn vị gồm các nhà máy, công ty TNHH một thành viên, các đơn vị trực thuộc.

1996 Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam tiền thân là Công ty Nông sản Hà Bắc được thành lập năm 1996. Kể từ năm 1997, Công ty được đổi tên là Công ty Nông Sản Bắc Ninh.

Xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn gia súc DABACO với công suất 5 tấn/giờ tại xã Võ Cường, Bắc Ninh và Xí nghiệp gà giống công nghiệp Lạc Vệ tại huyện Tiên Du, Bắc Ninh.

1998 Để phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm, Công ty đã thành lập Chi nhánh công ty tại Hà Nội. Đồng thời, khai trương cửa hàng xăng dầu tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2000 Sáp nhập Xí nghiệp giống gia súc, gia cầm Thuận Thành mở rộng thêm lĩnh vực hoạt động sản xuất kinh doanh.

2002 Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS với công suất 30 tấn/giờ. Đầu tư xây dựng mới Xí nghiệp gà giống gốc ông bà siêu trứng tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2003 Hoàn thành việc xây dựng Xí nghiệp lợn giống hướng nạc Thuận Thành. Thành lập Xí nghiệp đầu tư xây dựng hạ tầng tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, Tiên Du, Bắc Ninh.

2004 Hoàn thành việc xây dựng Trụ sở của Công ty tại đường Lý Thái Tổ, Bắc Ninh. Đồng thời, Công ty thành lập Xí nghiệp ngan giống Pháp tại xã Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

2005 Tiếp tục đầu tư mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh với việc đưa vào sử dụng Nhà máy chế biến thức ăn đậm đặc cao cấp tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh. Hoàn thành Nhà kho và Nhà xử lý nguyên liệu tại xã Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh.

Kể từ ngày 01/01/2005, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần theo quyết định số 1316 QĐ/CT ngày 10/08/2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Bắc Ninh.

2006 Thành lập 4 đơn vị trực thuộc bao gồm: Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc; Trung tâm dịch vụ ăn uống; Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công; Xí nghiệp giống lợn Lạc Vệ

2007 Thành lập Công ty TNHH Dịch vụ và thương mại Bắc Ninh, Công ty TNHH Cảng Dabaco Tân Chi, Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc.

Ngoài ra, Công ty đã tham gia góp vốn thành lập Công ty cổ phần Dabaco Sông Hậu để đầu tư xây dựng nhà máy chế biến thức ăn thủy sản công suất 20 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp và Công ty cổ phần Dabaco Tiền Giang để xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản công suất 10 tấn/giờ tại xã Song Thuận, huyện Châu Thành, Tỉnh Tiền Giang.

2008 Thành lập Công ty TNHH Lợn giống Dabaco, Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco và Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco.

Ngày 18/3/2008, cổ phiếu của Công ty chính thức được niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Ngày 29/4/2008, ĐHCĐ đã thông qua quyết định đổi tên Công ty cổ phần Nông sản Bắc Ninh thành Công ty cổ phần Dabaco Việt Nam.

2009 Khánh thành Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco công suất 25 tấn/giờ tại Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, Siêu thị Dabaco tại phố Lạc Vệ, Tiên Du, Bắc Ninh.

Cũng trong năm, Công ty đã phát hành thành công 2 đợt phát hành cổ phiếu: Hoán đổi cổ phiếu và chuyển hình thức sở hữu của Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang sang Công ty TNHH một thành viên do Dabaco sở hữu để đầu tư xây dựng Nhà máy sản xuất bao bì và phát hành cho cổ đông chiến lược, nâng vốn điều lệ của công ty lên 254.466,6 triệu đồng tương đương 25.446.660 cổ phần.

2010 Đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến thịt gà và khai trương quầy thực phẩm DABACO, thành lập Công ty TNHH Bất động sản Dabaco, Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng Dabaco, Trung tâm thương mại Dabaco tại Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO.

Để nâng cao sản lượng sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi, Công ty đã thành lập Nhà máy sản xuất thức ăn chăn nuôi tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh, và tái cơ cấu lại một số đơn vị thành viên, chuyển một số đơn vị hạch toán phụ thuộc thành Công ty TNHH một thành viên, sáp nhập Xí nghiệp ngan giống Pháp vào Công ty TNHH ĐT&PT chăn nuôi gia công, và thoái vốn tại Công ty cổ phần Dabaco Tiền Giang.

Trong năm, Công ty đã phát hành 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi để tài trợ cho các dự án BT mà Công ty được UBND tỉnh Bắc Ninh giao.

2011 Công ty hoàn tất đợt phát hành 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi nâng vốn điều lệ của Công ty lên 436.111.000.000 đồng tương đương 43.611.100 cổ phần.

Tại Đại hội cổ đông thường niên ngày 26/3/2011, Công ty đã đổi tên thành Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam. Cũng trong năm, Công ty thành lập Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh, Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến đường vành đai III và TL 295B Từ Sơn, Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco, chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội, thoái vốn tại Công ty cổ phần Dabaco Sông Hậu.

Ngày 14/02/2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 484.099.600.000 đồng tương đương 48.409.960 cổ phần.

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH CHÍNH

- Sản xuất, tiêu thụ thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất và tiêu thụ con giống gia súc, gia cầm, thủy cầm;
- Hoạt động chăn nuôi gia công;
- Giết mổ và chế biến thực phẩm;
- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng;
- Và các lĩnh vực kinh doanh khác.

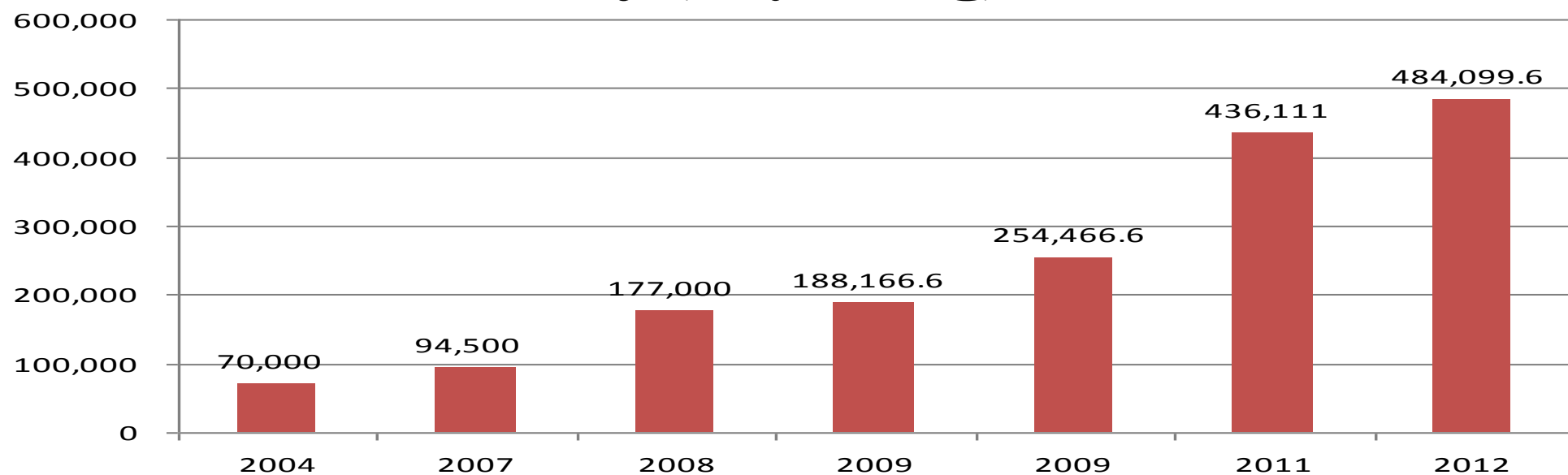
TĂNG TRƯỞNG VỐN ĐIỀU LỆ QUA CÁC NĂM

Từ năm 1996 đến Tháng 2/2012, Công ty đã có 7 lần tăng vốn điều lệ

Các lần phát hành tăng vốn của Công ty thông qua các hình thức:

- Phát hành cổ phiếu cho CBCNV, Cổ đông hiện hữu
- Phát hành cổ phiếu để hoán đổi lấy cổ phiếu của Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang
- Phát hành cổ phiếu cho Cổ đông chiến lược
- Chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu

Quá trình tăng trưởng vốn điều lệ của công ty (triệu đồng)



MỤC TIÊU, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Slogan: “DABACO mang lại giàu sang cho người chăn nuôi – Sự phồn vinh cho đất nước”.

MỤC TIÊU CỦA CÔNG TY

Đạt được mức thoả mãn người tiêu dùng cao nhất.

Đạt được thị phần tiêu dùng cao nhất.

Sản phẩm đa dạng nhất cùng với chất lượng cao nhất.

Cải tiến kỹ thuật, nâng cao chất lượng, hạ giá thành.

Chuyển giao khoa học kỹ thuật tới người chăn nuôi.

Tiến tới giải quyết đầu ra cho nông dân để chế biến xuất khẩu.

TIÊU CHÍ CỦA CÔNG TY

Khách hàng là thượng đế, bạn hàng là trường tồn.

Con người là cội nguồn, chất lượng là vĩnh cửu.

Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn là người bạn tin cậy của các bạn hàng.

Quyền lợi của khách hàng là quyền lợi của Công ty.

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Luôn đặt chất lượng lên hàng đầu, lấy chất lượng để cam kết với khách hàng, lấy thị trường làm định hướng, DABACO luôn không ngừng cải tiến kỹ thuật, đổi mới công nghệ và thiết bị, đào tạo cán bộ, tạo môi trường làm việc lành mạnh, sáng tạo, nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng sự tin dùng của khách hàng; Không ngừng phát triển các hoạt động kinh doanh vững mạnh nhằm tối đa hoá giá trị của Công ty, nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên để xây dựng Công ty phát triển vững mạnh.

Để thực hiện mục tiêu đề ra, Công ty tiếp tục thực hiện chiến lược phát triển đã được xây dựng và mở rộng sang các lĩnh vực mới trong giai đoạn 2010-2014 cụ thể như sau:

○ *Triển khai thực hiện thành công mô hình sản xuất tiên tiến, khép kín từ: “Sản xuất con giống - Thức ăn - Chăn nuôi gia công - Giết mổ và chế biến thực phẩm song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO.”*

○ *Mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực có khả năng mang lại sự tăng trưởng mạnh cho công ty như đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở, khu đô thị,...*

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



“Ban Lãnh đạo Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh, kiểm soát rủi ro để vượt qua những thách thức, tập trung thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thực hiện mục tiêu chiến lược giai đoạn 2010 - 2014. Cán bộ nhân viên Công ty đoàn kết, sáng tạo quyết tâm hoàn thành những mục tiêu đề ra”.

Kính thưa Quý cổ đông !

Năm 2011 là năm DABACO đạt kết quả kinh doanh cao nhất về doanh thu, lợi nhuận trong 16 năm thành lập và phát triển. Mặc dù, gặp rất nhiều khó khăn do chịu tác động từ khủng hoảng kinh tế, dịch bệnh..., song Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã xây dựng chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp và chỉ đạo, điều hành Công ty vượt qua nhiều thử thách, đạt mức tăng trưởng cao.

Sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi

Là lĩnh vực hoạt động thể mạnh, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận hàng năm của toàn Công ty. Các thương hiệu thức ăn chăn nuôi của DABACO đã được khẳng định trên thị trường, được người tiêu dùng tin nhiệm cao, do đó sản xuất được ổn định, việc làm của công nhân được đảm bảo. Năm 2011, nhờ nâng cao năng suất sản xuất và phát triển thị trường nên sản lượng tiêu thụ TACN đạt cao nhất từ trước đến nay với 325.587 tấn, đạt 120,6% kế hoạch và tăng 41,5% tương ứng tăng 95.641 tấn so với năm 2010.

Sản xuất và tiêu thụ con giống gia súc, gia cầm

Năm 2011, hoạt động sản xuất giống gia súc, gia cầm đạt kết quả tốt nhờ bảo vệ an toàn đàn giống và tận dụng được các lợi thế về giá thực phẩm và con giống. Do vậy, các đơn vị chăn nuôi đều đạt và vượt các chỉ tiêu về doanh thu và lợi nhuận đã được ĐHQĐ thông qua.

Hoạt động chăn nuôi gia công

Với hai lĩnh vực chính là chăn nuôi gia công gà và lợn nhằm cung cấp nguồn nguyên liệu sạch cho chế biến thực phẩm và nguồn thực phẩm sạch cho thị trường. Năm 2011, nhờ nắm bắt tốt diễn biến giá cả thị trường, hoạt động chăn nuôi gia công có nhiều thuận lợi, đóng góp vào sự tăng trưởng chung của công ty,

Giết mổ và chế biến thực phẩm

Năm 2011 là năm thứ 2 Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO đi vào hoạt động. Trong năm, công ty cũng đưa ra nhiều mặt hàng: thịt gà sạch, sản phẩm chế biến từ thịt gà như giò gà, ruốc gà, xúc xích, đồ hộp,... đã được người tiêu dùng đánh giá cao về chất lượng.

Hoạt động đầu tư xây dựng

Năm 2011, Công ty tiếp tục triển khai các dự án đã được phê duyệt và đưa vào hoạt động một số dự án gồm: Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi công suất 20 tấn/giờ tại KCN Đại Đồng - Hoàn Sơn, Nhà máy sơ chế nguyên liệu tại Hoà Bình, Nhà máy chế biến thực phẩm (giai đoạn 2), Hoàn thiện thi công hạ tầng Khu nhà ở Huyện Quang 2 và Khu nhà ở Dabaco Thuận Thành,...

Hoạt động kinh doanh khác

Bên cạnh các sản phẩm kinh doanh chính, Công ty còn sản xuất, kinh doanh các mặt hàng như bao bì PP, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng, khu công nghiệp,... những hoạt động này đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận cũng như danh tiếng của Công ty.

Năm 2012, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực có khả năng mang lại sự tăng trưởng mạnh cho công ty như đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở, khu đô thị. Bên cạnh, duy trì ổn định hoạt động trong mô hình sản xuất khép kín “Sản xuất con giống - Thức ăn - Chăn nuôi gia công - Giết mổ và chế biến thực phẩm song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”.

Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam cùng toàn thể CBCNV công ty với tinh thần dám nghĩ, dám làm, quyết tâm vượt qua những thách thức, hoàn thành xuất sắc kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012 và những nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.

Thay mặt HĐQT, Ban Tổng Giám đốc Công ty, tôi xin cảm ơn sự tín nhiệm của Quý cổ đông đã đầu tư vào DABACO.

Xin kính chúc Quý cổ đông nhiều thành công, thịnh vượng.



NGUYỄN NHƯ SÓ

Chủ tịch Hội đồng quản trị - Tổng Giám đốc

CÔNG TY CON VÀ ĐƠN VỊ THÀNH VIÊN

Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty trải qua một chặng đường phát triển mạnh mẽ cả về quy mô và chất lượng. Công ty hiện có gần 30 đơn vị gồm Nhà máy, Công ty TNHH một thành viên, đơn vị trực thuộc do DABACO làm chủ sở hữu và các công ty liên kết có sự góp vốn của DABACO, phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh doanh.

Đơn vị thành viên:

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp DABACO

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi NUTRECO

Địa chỉ: Đường Nguyễn Trãi, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh.
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp TOPFEEDS

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi

Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh thức ăn chăn nuôi

Trung tâm Chẩn đoán thú y DABACO

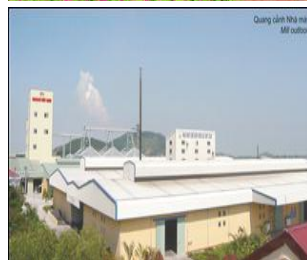
Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động thú y, chuẩn đoán bệnh động vật đưa ra phác đồ điều trị, dịch vụ kiểm tra, khám chữa bệnh động vật.

Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 22 ấp 4, Đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh,
Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh nguyên liệu chế biến sản xuất thức ăn chăn nuôi; Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông, công nghiệp; ...

Cửa hàng xăng dầu

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Đại lý và kinh doanh xăng dầu.



Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công

Địa chỉ: Cụm công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và các hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn DABACO

Địa chỉ: Cụm Công nghiệp, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và hoạt động hỗ trợ chăn nuôi

Công ty TNHH Lợn giống DABACO

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi lợn và hoạt động hỗ trợ chăn nuôi. Sản xuất và kinh doanh mua bán lợn, lợn giống.

Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Chăn nuôi và kinh doanh giống gia cầm.

Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ

Địa chỉ: Thôn Hộ vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất kinh doanh lợn giống, hoạt động dịch vụ chăn nuôi. Chăn nuôi và kinh doanh giống gia súc, gia cầm

Công ty TNHH Lợn giống Hạt nhân DABACO

Địa chỉ: Xã Tân chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Hoạt động dịch vụ chăn nuôi; Chăn nuôi gia súc, gia cầm. Sản xuất, kinh doanh lợn giống, lợn thịt, tinh lợn, trâu, bò. Sản xuất, nuôi giữ đàn lợn giống gốc.



Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm. Sản xuất thực phẩm và đồ uống.

Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao DABACO

Địa chỉ: Thôn Hộ Vệ, xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất, kinh doanh rau an toàn ứng dụng công nghệ cao.

Công ty TNHH MTV Thương Mại Hiệp Quang

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bao bì từ nhựa PP, PE, composit; Sản xuất và kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi.

Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình.
Ngành nghề kinh doanh chính: Chế biến và bảo quản rau quả, nông sản thực phẩm, sản xuất tinh bột, sản xuất thức ăn gia súc và thủy sản, bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn chăn nuôi.

Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh

Địa chỉ: Cụm công nghiệp Khắc Niệm, xã Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán xuất nhập khẩu nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, siêu thị, trung tâm thương mại,...

Siêu thị Dabaco:

Địa chỉ: Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh

Trung tâm thương mại DABACO

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Nhà hàng DABACO

Địa chỉ: Khu công nghiệp Khắc Niệm, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Nhà hàng Hướng Dương

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh



Công ty TNHH Bất động sản DABACO

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh Bất động sản, kinh doanh dịch vụ tư vấn, môi giới, đấu giá, định giá, quảng cáo, sản giao dịch bất động sản.

Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng DABACO

Địa chỉ: Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, TP Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị.

Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi

Địa chỉ: Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Mua bán vật liệu xây dựng, vận tải hàng hóa, cho thuê và kinh doanh dịch vụ cầu cảng bến bãi, đầu tư xây dựng hạ tầng.

Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL295B Từ Sơn

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị.

Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh

Địa chỉ: Đường Lý Thái Tổ, TP Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh

Ngành nghề kinh doanh chính: Xây dựng công trình, nhà các loại, phá dỡ, lắp đặt hệ thống điện, cấp thoát nước, kinh doanh vật liệu xây dựng, tư vấn và quản lý dự án đầu tư, mua bán và cho thuê xe, máy móc, thiết bị.

Công ty liên kết:

Công ty Cổ phần TM Bạch Long (vốn góp là 321,2 triệu đồng, chiếm 6,9%).

Công ty Cổ phần Thủy sản CSC DABACO (vốn góp là 1,05 tỷ đồng, chiếm 35%).



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Tổng doanh thu: 4.975 tỷ đồng (bao gồm cả doanh thu tiêu thụ nội bộ) đạt 132,5% kế hoạch, tăng 52,5% so với năm 2010
Lợi nhuận sau thuế: 220,43 tỷ đồng, đạt 100,2% kế hoạch và tăng 25% so với năm 2010
Tỷ lệ chi trả cổ tức năm 2011: 20%/cổ phần bằng tiền mặt.

➤ Nội dung kết quả sản xuất kinh doanh năm 2011

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2011	Năm 2010	+/- (%)
1	Doanh thu thuần	Triệu đồng	3.917.985	2.517.777	55,6
2	Tổng tài sản	Triệu đồng	3.201.861	2.150.203	48,9
3	Vốn chủ sở hữu	Triệu đồng	1.231.145	763.526	61,2
4	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	220.430	176.300	25

Năm 2011 là năm nền kinh tế thế giới và trong nước có nhiều biến động phức tạp, khủng hoảng kinh tế, khủng hoảng năng lượng, thiên tai, lũ lụt, dịch bệnh xảy ra trên diện rộng. Bằng kinh nghiệm tích lũy trong 16 năm thành lập và phát triển, Ban lãnh đạo DABACO đã xây dựng chiến lược phát triển đúng đắn, phù hợp, thực hiện các biện pháp linh hoạt để nâng cao năng lực tài chính, đổi mới phương thức quản trị điều hành nhằm tối ưu hoá các nguồn lực, đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh.

Những kết quả đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh năm vừa qua đã giúp DABACO tiếp tục khẳng định thương hiệu cũng như uy tín trên thương trường. Kết quả này cũng là sự nỗ lực vượt khó, quyết tâm của Ban lãnh đạo cùng toàn thể cán bộ công nhân viên DABACO.

➤ Thay đổi vốn điều lệ và đổi tên Công ty

- Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2010, Công ty đã thực hiện thành công đợt chào bán 18.164.440 cổ phiếu và 2.544.666 trái phiếu chuyển đổi để tài trợ cho các dự án BT mà Công ty được UBND tỉnh Bắc Ninh giao, nâng vốn điều lệ của Công ty lên 436.111.000.000 đồng tương đương 43.611.100 cổ phần.

Toàn bộ số cổ phiếu trên đã được niêm yết tại sàn HNX

- Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2011, Công ty đã đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam, phản ánh được quy mô phát triển của DABACO ngày càng mở rộng.

- Ngày 14/02/2012, Công ty đã thực hiện chuyển đổi 671.872 trái phiếu thành 4.798.860 cổ phiếu (giá chuyển đổi: 14.000 đồng/cổ phiếu), nâng vốn điều lệ của Công ty lên 484.099.600.000 đồng tương đương 48.409.960 cổ phần.

➤ Cổ tức năm 2011

Căn cứ vào hoạt động sản xuất kinh doanh, HĐQT đã chi trả cổ tức tỷ lệ 20%/cổ phần (2.000 đồng/cổ phần) theo quyết định đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26/3/2011 thông qua.

- Ngày chốt danh sách để hưởng cổ tức: 20/12/2011
- Ngày thanh toán tiền cổ tức: 18/01/2012
- Tổng số tiền cổ tức chi trả: 87.222.200.000 đồng (trên tổng số 43.611.100 cổ phần)

➤ Trái tức năm 2011

HĐQT đã chi trả trái tức tỷ lệ 10% theo quyết định đã được Đại hội cổ đông bất thường ngày 14/8/2010 thông qua.

- Ngày chốt danh sách để hưởng trái tức: 30/01/2012
- Ngày thanh toán tiền trái tức: 14/02/2012
- Tổng số tiền trái tức chi trả: 25.446.660.000 đồng (trên tổng số 2.544.666 trái phiếu)

➤ *Kiến toàn bộ máy tổ chức hoạt động*

Trong năm 2011, Công ty đã tiến hành tổ chức, sắp xếp lại các phòng ban chuyên môn nghiệp vụ của Công ty cho phù hợp với tình hình và quy mô hoạt động, cụ thể:

- Đổi tên các “Phòng” chuyên môn thành “Ban” và quy định rõ chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng Ban.
- Thành lập Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco để thực hiện dự án mô hình sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh Bắc Ninh giao.
- Thành lập các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án BT và dự án đối ứng vốn gồm: Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh, Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Đường Vành đai III và TL 295B Từ Sơn.
- Thoái vốn tại Công ty cổ phần Dabaco Sông Hậu và chấm dứt hoạt động Chi nhánh tại Hà Nội

➤ *Triển vọng và kế hoạch trong tương lai*

Căn cứ vào kết quả hoạt động SXKD năm 2011, trên cơ sở phân tích thị trường và đánh giá năng lực nội tại, HĐQT đã xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch của lĩnh vực chính (thức ăn, con giống, chăn nuôi gia công, thực phẩm...) năm 2012 như sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2012
1	Doanh thu tiêu thụ	Triệu đồng	5.808.215
2	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	210.859
3	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	167.480
4	Cổ tức	%	15

Năm 2012 là năm còn nhiều khó khăn và đặt ra nhiều thách thức cho doanh nghiệp. Để đạt được mục tiêu kinh doanh, Công ty cần tiếp tục phát huy thị trường

tiêu thụ hiện có, tăng cường mở rộng thị trường mới, tiết kiệm chi phí, nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, tăng cường công tác quản trị rủi ro, chú trọng đến việc đảm bảo an toàn tài chính cho Công ty.

Công ty phát triển hệ thống quản lý của DABACO theo mô hình Tập đoàn với quy mô lớn, quản trị doanh nghiệp theo hướng hiện đại hoá kết hợp với việc xây dựng tập thể cán bộ công nhân viên năng động, sáng tạo và bản lĩnh, tiến tới xây dựng một sức mạnh văn hoá doanh nghiệp đặc sắc DABACO.

Năm 2012, Công ty tiếp tục duy trì ổn định hoạt động trong mô hình sản xuất khép kín ***“Sản xuất con giống - Thức ăn - Chăn nuôi gia công - Giết mổ và chế biến thực phẩm song song với phát triển hệ thống bán lẻ hiện đại theo mô hình Siêu thị và Cửa hàng thực phẩm sạch DABACO”***, tạo thành chuỗi giá trị cho Công ty. Đến nay, đã khẳng định được đây là một mô hình tiên tiến, phương hướng chiến lược của Ban lãnh đạo Công ty là hoàn toàn đúng đắn.

Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực có khả năng mang lại sự tăng trưởng mạnh cho công ty như đầu tư kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, khu nhà ở, khu đô thị,...



Khu trung tâm thương mại – Khu CN Quế Võ III

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

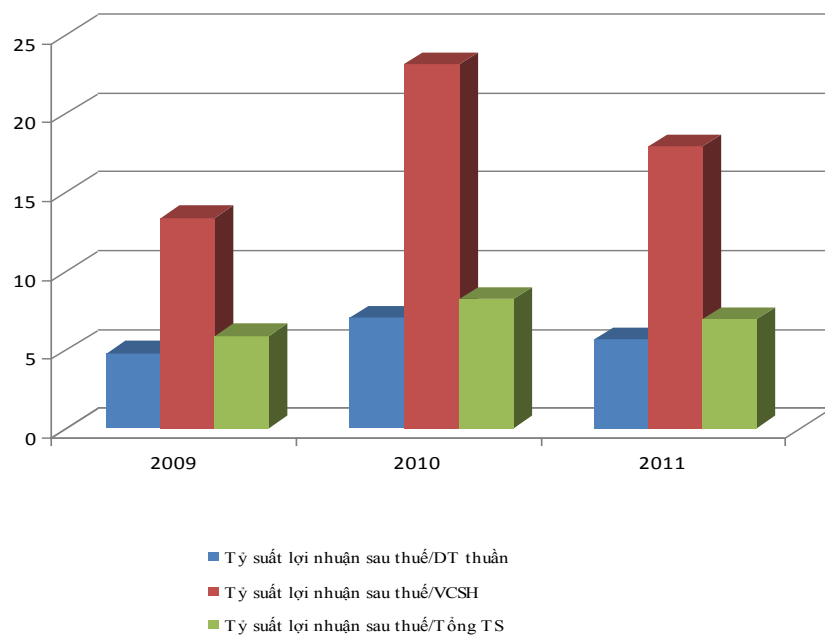
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

- *Giá trị sổ sách tại thời điểm 31/12/2011:*

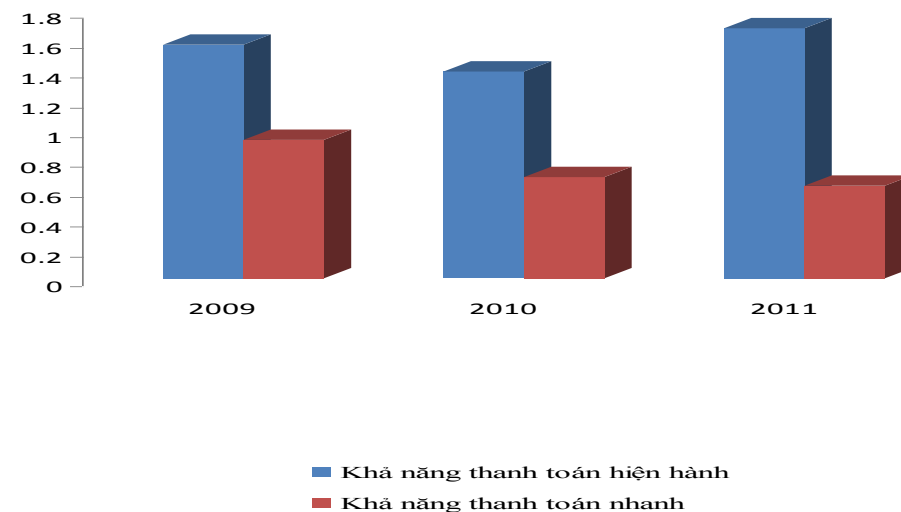
Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ	Chênh lệch
TÀI SẢN			
Tài sản ngắn hạn	1,303,858,717,527	2,449,793,352,107	1,145,934,634,580
Tiền và các khoản tương đương tiền	213,147,169,656	490,322,035,548	277,174,865,892
Các khoản phải thu ngắn hạn	398,107,832,234	364,974,178,068	(33,133,654,166)
Hàng tồn kho	667,400,608,977	1,542,081,935,357	874,681,326,380
Tài sản ngắn hạn khác	25,203,106,660	52,415,203,134	27,212,096,474
Tài sản dài hạn	846,344,937,798	752,068,352,892	(94,276,584,906)
Tài sản cố định	824,472,484,135	731,450,701,204	(93,021,782,931)
Các khoản đầu tư TC dài hạn	2,416,627,000	2,528,623,617	111,996,617
Tài sản dài hạn khác	8,819,696,191	8,634,689,874	(185,006,317)
Lợi thế thương mại	10,636,130,472	9,454,338,197	(1,181,792,275)
Tổng tài sản	2,150,203,655,325	3,201,861,704,999	1,051,658,049,674
NGUỒN VỐN			
Nợ phải trả	1,374,876,801,212	1,970,716,265,307	595,839,464,095
Nợ ngắn hạn	940,977,224,341	1,458,560,660,352	517,583,436,011
Nợ dài hạn	433,899,576,871	512,155,604,955	78,256,028,084
Vốn Chủ sở hữu	763,526,854,113	1,231,145,439,692	467,618,585,579
Vốn Chủ sở hữu	763,526,854,113	1,231,145,439,692	467,618,585,579
Lợi ích của cổ đông thiểu số	11,800,000,000	0	(11,800,000,000)
Tổng nguồn vốn	2,150,203,655,325	3,201,861,704,999	1,051,658,049,674

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Chỉ tiêu về cơ cấu tài sản				
Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	60,65	60,64	76,51
Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	39,35	39,36	23,49
Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn				
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	55,33	63,94	61,55
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	43,83	35,51	38,45
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/DT thuần	%	4,76	7,0	5,63
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/VCSH	%	13,36	23,09	17,9
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng TS	%	5,86	8,2	6,9
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
- Khả năng thanh toán hiện hành	lần	1,57	1,39	1,68
- Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,93	0,68	0,62

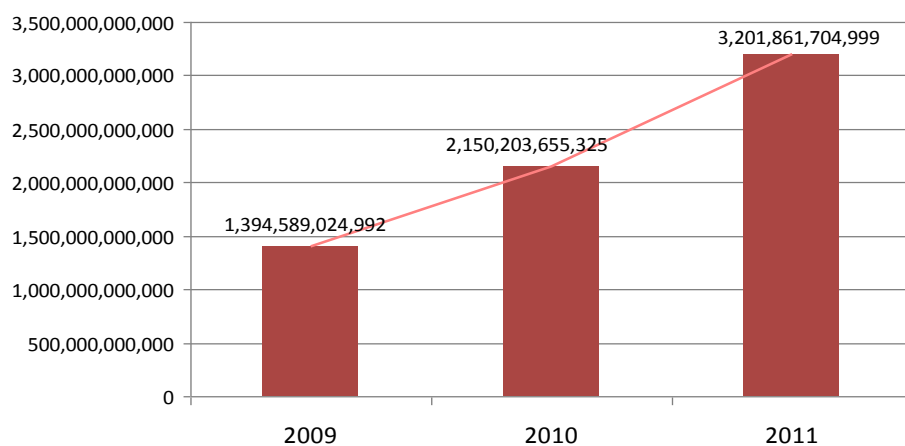
Biểu đồ thể hiện khả năng sinh lời



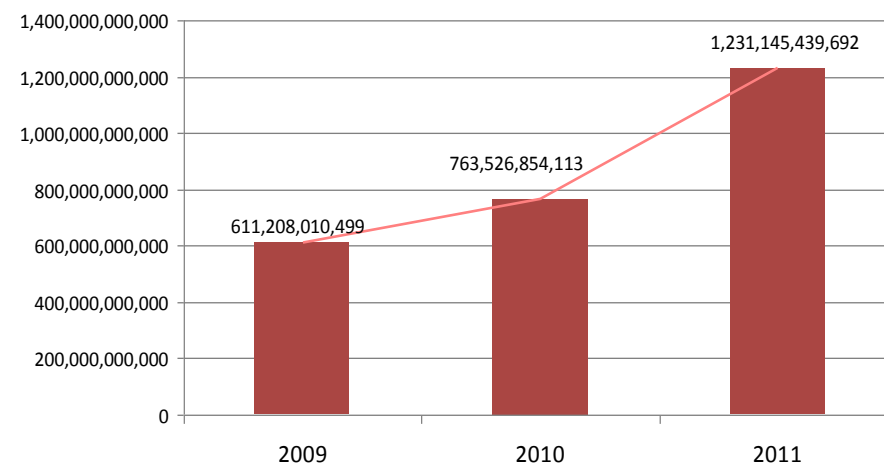
Biểu đồ thể hiện khả năng thanh toán



Biểu đồ Quá trình tăng trưởng tài sản qua các năm



Biểu đồ Quá trình tăng trưởng vốn chủ sở hữu qua các năm



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2011



Sản xuất và tiêu thụ thức ăn chăn nuôi

Sản xuất thức ăn chăn nuôi luôn là lĩnh vực hoạt động thể mạnh, chiếm tỷ trọng lớn trong doanh thu và lợi nhuận hàng năm của toàn Công ty. Năm 2011, do ảnh hưởng của tỷ giá, giá cả nguyên liệu, thiên tai lũ lụt, dịch bệnh nên số lượng đầu gia súc, gia cầm giảm dẫn đến sản lượng thức ăn chăn nuôi sản xuất tiêu thụ gặp nhiều khó khăn. Mặc dù vậy, Công ty vẫn giữ vững phương châm vừa tổ chức sản xuất, nâng cao năng suất sản xuất và phát triển thị trường. Năm 2011, sản lượng tiêu thụ thức ăn chăn nuôi của Công ty đạt cao nhất từ trước đến nay với 325.587 tấn, đạt 120,6% kế hoạch, tăng 41,5% tương ứng tăng 95.641 tấn so với năm 2010.

Năm 2011, công ty đưa vào hoạt động Nhà máy chế biến TACN Nutreco Hoàn Sơn với công suất 20 tấn/giờ được đầu tư các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất hiện đại nhất hiện nay.

Sản phẩm thức ăn chăn nuôi của Công ty với 6 thương hiệu gồm DABACO, Topfeeds, Nasaco, Growfeeds, Khangty Vina và Kinh Bắc đã có mặt ở hầu hết các tỉnh, thành phố trong cả nước và được người chăn nuôi đánh giá cao bởi các đặc tính nổi trội như chất lượng tốt, mẫu mã đẹp, tỉ lệ tiêu tốn thức ăn thấp, hiệu quả kinh tế cao.

Sản xuất và tiêu thụ con giống gia súc, gia cầm

Sản xuất con giống gia súc, gia cầm cũng là lĩnh vực gắn bó với sự phát triển của Công ty từ khi thành lập (năm 1996). Mặc dù, đây là lĩnh vực chịu ảnh hưởng từ những rủi ro về dịch bệnh và thị trường tiêu thụ, song lại là ngành được Nhà nước quan tâm, có chính sách hỗ trợ phát triển.

Trong những năm qua, nhờ quy tụ được đội ngũ cán bộ kỹ thuật có trình độ chuyên môn, tâm huyết với nghề và nhận được sự hỗ trợ từ phía UBND tỉnh Bắc Ninh, hiện nay, Công ty đã xây dựng được 4 đơn vị sản xuất giống và trở thành địa chỉ tin cậy cung cấp nguồn giống cho bà con trong và ngoài tỉnh.

Năm 2011, nhờ bảo vệ tốt đàn giống và tận dụng được các lợi thế về giá thực phẩm và con giống, các đơn vị chăn nuôi đều đạt kết quả tốt, doanh thu và lợi nhuận đạt cao.

Hoạt động chăn nuôi gia công

Đây là một khâu quan trọng trong chu trình sản xuất khép kín mà Công ty lựa chọn: “Con giống - Thức ăn - Chăn nuôi gia công - Giết mổ và chế biến thực phẩm”, bắt đầu triển khai từ năm 2007.

Năm 2011, hoạt động chăn nuôi gia công có nhiều thuận lợi hơn nhờ nắm bắt tốt diễn biến giá cả thị trường. Cũng do ảnh hưởng của dịch bệnh khiến đàn gia súc, gia cầm trong dân giảm mạnh. Riêng công ty vẫn phát triển tốt các đàn chăn nuôi gia công nên sau đợt dịch có sản phẩm cung cấp cho thị trường, đặc biệt là chăn nuôi gia công lợn.

✓ Chăn nuôi gia công lợn do Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco thực hiện đã thu được kết quả tốt. Sản lượng lợn thịt tiêu thụ năm 2011 là 5.348 tấn, đạt 125% kế hoạch và tăng 40% so với năm 2010. Công ty đã bứt phá khỏi tình trạng lỗ của các năm trước và hoạt động có lãi.

✓ Chăn nuôi gia công gà do Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi gia công thực hiện là nguồn cung cấp nguyên liệu cho Nhà máy giết mổ và chế biến thịt gà, đảm bảo nguồn thực phẩm sạch cho xã hội. Sản lượng gà thịt đạt 4.547 tấn, trứng đạt 25.806.736 quả.



Giết mổ và chế biến thực phẩm

Năm 2011 là năm thứ 2 Công ty TNHH Chế biến thực phẩm Dabaco đi vào hoạt động, mảng giết mổ chưa phát triển được do trên thị trường còn tồn tại nhiều cơ sở giết mổ thủ công, mảng chế biến của đơn vị mới hoạt động ở quy mô nhỏ, nhà máy chế biến mới hoàn thiện vào cuối năm còn trong giai đoạn vận hành chạy thử nên chưa phát huy được tính ưu việt về công suất.

Mặc dù vậy, Công ty vẫn giữ vững phương châm sản xuất kinh doanh, đầu tư trang thiết bị hiện đại, đào tạo nâng cao trình độ trong lĩnh vực chế biến thực phẩm, đảm bảo cung cấp thực phẩm sạch cho xã hội.

Hoạt động kinh doanh khác

Ngoài các sản phẩm chính như thức ăn chăn nuôi, con giống gia súc, gia cầm, Công ty còn sản xuất, kinh doanh các mặt hàng như bao bì PP, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng hạ tầng, khu công nghiệp,... những hoạt động này đóng góp đáng kể vào doanh thu, lợi nhuận cũng như danh tiếng của công ty.

Tình hình triển khai các dự án đầu tư xây dựng

Năm 2011, thành lập thêm Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco để thực hiện dự án mô hình sản xuất rau an toàn ứng dụng công nghệ cao đã được UBND tỉnh giao nhiệm vụ, thành lập các doanh nghiệp dự án để thực hiện các dự án BT và dự án đối ứng vốn gồm: Công ty TNHH Xây dựng Hồ Điều Hoà Văn Miếu Bắc Ninh và Công ty TNHH Xây dựng Đường từ Đền Đô đến Vành đai III và TL295B Từ Sơn.

Năm 2011, Công ty tiếp tục triển khai các dự án đã được phê duyệt và đưa vào hoạt động một số dự án gồm: Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi công suất 20 tấn/giờ tại KCN Đại Đồng – Hoàn Sơn, Nhà máy sơ chế nguyên liệu tại Hoà Bình, Nhà máy chế biến thực phẩm (giai đoạn 2); Hoàn thiện thi công hạ tầng Khu nhà ở Huyện Quang 2 và Khu nhà ở Dabaco Thuận Thành,...



NHỮNG THÀNH TÍCH CÔNG TY ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC



Thực hiện tốt hệ thống quản lý: ISO 9001, ISO 22000, đồng thời Công ty đã xây dựng được một Phòng thí nghiệm đạt tiêu chuẩn quốc gia VILAS 242 với hệ thống trang thiết bị hiện đại, kiểm soát tốt nguyên liệu đầu vào và sản phẩm đầu ra, đảm bảo sản xuất sản phẩm sạch, chất lượng cao cho thị trường.

Với những thành tích cao đạt được trong hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như những đóng góp tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và cả nước trong những năm qua, Công ty Cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam đã vinh dự được Đảng, Nhà nước, Chính phủ và các ngành, các cấp trao tặng nhiều danh hiệu, phần thưởng cao quý: Danh hiệu **“Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới”** được Chủ tịch nước trao tặng cho Công ty (năm 2004) và cho cá nhân Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc Nguyễn Như So (Năm 2008), Huân chương lao động hạng Ba được Chủ tịch nước trao tặng (năm 2000), Huân chương lao động hạng Nhì được Chủ tịch nước trao tặng năm 2007, Cờ thi đua của Chính phủ (năm 2001, 2002, 2003), Giải thưởng Chất lượng Việt Nam trong 7 năm liên tục (từ năm 2000 đến 2006), Giải thưởng Sao vàng đất Việt (năm 2004), Cup vàng thương hiệu Việt hội nhập WTO do Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam trao tặng; Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2007, 2009; Giải thưởng Thương hiệu chứng khoán uy tín và Công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam năm 2008, 2009; Giải thưởng Doanh nghiệp, doanh nhân tiêu biểu 1000 năm; Giải thưởng Doanh nghiệp hội nhập và phát triển năm 2010; Thương hiệu Việt 2010 cho sản phẩm hỗn hợp Topfeeds; Bảng vàng ghi danh Doanh nhân Việt 1000 năm Thăng Long; Giải thưởng chất lượng quốc gia năm 2011, Chứng nhận top 100 hàng Việt Nam tin dùng, Thương hiệu Việt năm 2011 cho sản phẩm thức ăn chăn nuôi Dabaco, và nhiều giải thưởng cao quý khác.



Đây là sự công nhận xứng đáng đối với những cố gắng, nỗ lực to lớn của toàn thể cán bộ công nhân viên trong Công ty trong suốt những năm vừa qua.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2012

Năm 2012 là năm thứ 8 Công ty hoạt động theo mô hình cổ phần hoá và cũng là năm kỷ niệm 16 năm thành lập Công ty. Phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại năm 2011, Công ty tiếp tục coi sản xuất thức ăn chăn nuôi, sản xuất giống gia súc, gia cầm, chăn nuôi gia công là lĩnh vực hoạt động chính, cốt lõi và là thế mạnh của công ty, song song với việc đầu tư kinh doanh các dự án bất động sản nhằm mang lại hiệu quả kinh tế cao, quyết tâm phấn đấu thực hiện hoàn thành các mục tiêu nhiệm vụ chủ yếu sau đây:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2012
I	Sản lượng TACN	Tấn	350.000
II	Doanh thu	Triệu đồng	5.808.215
III	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	167.480
IV	Cổ tức	%	15

Lĩnh vực sản xuất, tiêu thụ thức ăn chăn nuôi

Để hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012, tiêu thụ 350.000 tấn thức ăn chăn nuôi, Công ty làm tốt công tác kế hoạch cung ứng nguyên liệu, tổ chức tốt công tác thu mua, cung ứng nguyên liệu thức ăn đảm bảo đủ nguyên

liệu cho các nhà máy hoạt động ổn định có lượng dự trữ phù hợp theo công suất thiết kế.

Tích cực đổi mới quản lý sản xuất, phát huy sáng kiến cải tiến kỹ thuật để nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm, chú trọng nâng cao chất lượng thức ăn cho lợn con, thức ăn cho gia cầm đẻ trứng, cải tiến mẫu mã sản phẩm đáp ứng mọi nhu cầu của người chăn nuôi.

Tập trung chỉ đạo giám sát chặt chẽ quy trình sản xuất, quy trình kỹ thuật ở các nhà máy, không để sản phẩm kém chất lượng đưa ra thị trường ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Tiếp tục đẩy mạnh công tác khai thác mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thức ăn chăn nuôi ra các vùng miền bằng các kênh phân phối đa dạng của các thương hiệu thức ăn.

Lĩnh vực sản xuất, chăn nuôi gia súc, gia cầm

Thực hiện nghiêm túc quy trình kỹ thuật chăn nuôi, làm tốt công tác chọn giống, chăm sóc, nuôi dưỡng để nâng cao các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật trong các đơn vị chăn nuôi gia súc, gia cầm.

Thực hiện nghiêm ngặt công tác vệ sinh phòng dịch làm tốt công tác quản lý, kỹ thuật để đảm bảo đàn giống gia súc, gia cầm sinh trưởng, phát triển tốt, giảm tối đa tỷ lệ chết, đảm bảo tuyệt đối an toàn cho đàn gia súc, gia cầm, trong mọi điều kiện không để xảy ra dịch bệnh.

Tăng cường công tác lai tạo giống gia súc, gia cầm, tạo nên thương hiệu giống gia súc, gia cầm của riêng DABACO. Làm tốt công tác tuyên truyền tiếp thị để cung ứng con giống gia súc, gia cầm ra thị trường. Đồng thời, tăng cường công tác chăn nuôi gia công có hiệu quả đảm bảo thu mua gia súc, gia cầm sạch bệnh, phục vụ nhà máy giết mổ chế biến thực phẩm của Công ty. Từ đó cung ứng ra thị trường sản phẩm thịt chế biến mang nhãn hiệu DABACO đảm bảo an toàn thực phẩm.

Lĩnh vực đầu tư, xây dựng và kinh doanh bất động sản

Năm 2012 được dự báo còn nhiều khó khăn đối với lĩnh vực bất động sản, do vậy, Ban lãnh đạo Công ty xác định nhiệm vụ chính là tập trung đẩy mạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp là chính. Bên cạnh đó, tiếp tục triển khai thực hiện các dự án đã được phê duyệt, trong đó ưu tiên thực hiện các dự án quan trọng gồm: Khu công nghiệp Quế Võ III; Các dự án BT và các dự án đối ứng vốn gồm: Khu đô thị Dabaco Vạn An, Khu đô thị Dabaco Đình Bảng; Di chuyển Công ty TNHH Gà giống Dabaco,...

Bên cạnh đó, Công ty cần rà soát lại chiến lược đầu tư, và đầu tư theo hướng tập trung, dứt điểm, tránh ứ đọng vốn kéo dài.



Khu khách sạn – Khu CN Quế Võ III

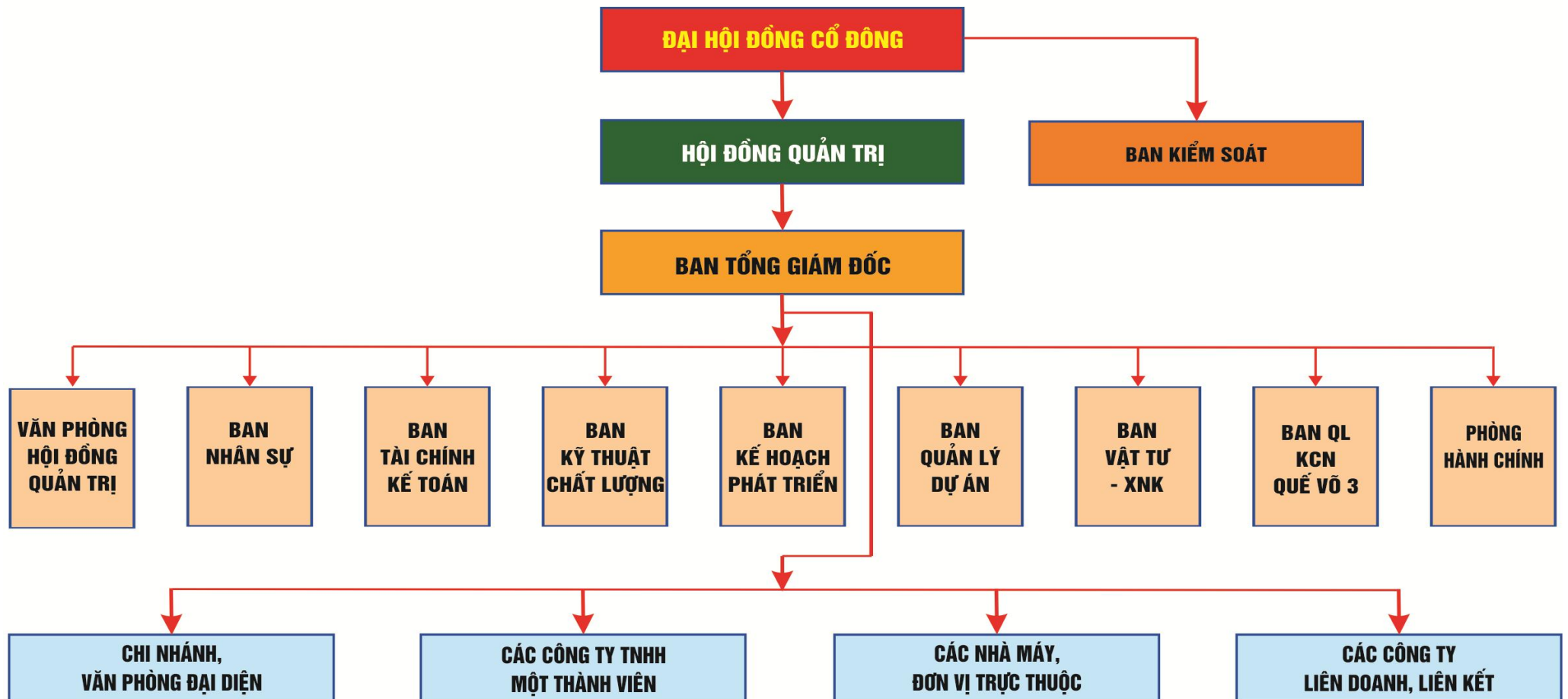


Khu trung tâm điều hành – Khu CN Quế Võ III

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu tổ chức của Công ty

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ông Nguyễn Như So

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Sinh năm: 1957

Trình độ: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Là người có 16 năm kinh nghiệm điều hành, gắn bó và đưa công ty từ 1 doanh nghiệp nhà nước hoạt động kém hiệu quả, đang trên bờ vực phá sản trở thành 1 trong 10 hãng sản xuất TACN lớn nhất cả nước về quy mô và hiệu quả hoạt động, với mức doanh thu đạt gần 5.000 tỷ đồng, tổng tài sản trên 3.000 tỷ đồng. Ông đã được Nhà nước trao tặng danh hiệu cao quý “Anh hùng lao động thời kỳ đổi mới” năm 2008.

Ông Nguyễn Văn Quân

Phó Chủ tịch

Sinh năm: 1957

Trình độ: Kỹ sư cơ khí, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Ông Nguyễn Văn Quân gắn bó với công ty từ năm 2001, là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005 và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Văn Tuấn

Phó Chủ tịch

Sinh năm: 1958

Trình độ: Kỹ sư chăn nuôi thú y, thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Ông Nguyễn Văn Tuấn là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với công ty từ năm 1999, nắm giữ các vị trí trưởng phòng kế hoạch, Phó Giám đốc, và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Khắc Thảo

Thành viên

Sinh năm: 1957

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm: Ông Nguyễn Khắc Thảo là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với Công ty từ năm 1996, nắm giữ vị trí Giám đốc Vật tư - Xuất nhập khẩu, và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

Ông Nguyễn Văn Mạnh

Thành viên

Sinh năm: 1954

Trình độ: Kỹ sư xây dựng

Kinh nghiệm: Ông Nguyễn Văn Mạnh là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2008. Ông gắn bó với công ty từ năm 2007, nắm giữ vị trí Giám đốc Dự án, và hiện nay là Phó tổng giám đốc Công ty.

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

Thành viên

Sinh năm: 1964

Trình độ: Cử nhân kinh tế, Thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Bà Nguyễn Thị Thu Hương là thành viên Hội đồng quản trị từ năm 2005. Bà là người gắn bó với Công ty từ khi mới thành lập (năm 1996). Bà là người có nhiều kinh nghiệm trong công tác quản lý tài chính, kế toán của doanh nghiệp. Hiện nay, Bà là Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng của Công ty.

Ông Nguyễn Thế Tường

Thành viên

Sinh năm: 1970

Trình độ: Bác sỹ thú y, thạc sỹ nông nghiệp

Kinh nghiệm: Ông Nguyễn Thế Tường là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với công ty từ năm 1996, nắm giữ các vị trí Phó phòng kỹ thuật, Trưởng phòng kỹ thuật. Hiện nay, ông là Giám đốc kỹ thuật chất lượng của Công ty.

Ông Nguyễn Hoàng Nguyên

Thành viên

Sinh năm: 1973

Trình độ: Kỹ sư chăn nuôi thú y, thạc sỹ quản trị kinh doanh

Kinh nghiệm: Ông Nguyễn Hoàng Nguyên là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Ông gắn bó với công ty từ năm 1996. Hiện nay, là Giám đốc Công ty TNHH Gà giống DABACO

Ông Tạ Hữu Khôi

Thành viên

Sinh năm: 1966

Trình độ: Kỹ sư cơ điện, Cử nhân kinh tế

Kinh nghiệm: Ông Tạ Hữu Khôi là thành viên hội đồng quản trị từ năm 2005. Hiện nay ông đang công tác tại Ban quản lý khu công nghiệp Quế Võ III.

Số lượng thành viên HĐQT, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc đã có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty: 12 người

○ **Hội đồng quản trị của Công ty** gồm 9 thành viên, trong đó có 6 thành viên trong Ban điều hành, và ba thành viên độc lập. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề trong phạm vi, quyền hạn tại các phiên họp định kỳ và đột xuất. Các phiên họp HĐQT được tiến hành theo đúng trình tự, thủ tục quy định. Nội dung các phiên họp tập trung chủ yếu vào các vấn đề: Thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các vấn đề liên quan đến chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh, chính sách chi trả cổ tức, và các vấn đề doanh nghiệp quan trọng khác.

Nghị quyết HĐQT đều đảm bảo đúng luật và Điều lệ của Công ty. Sau mỗi cuộc họp, Nghị quyết HĐQT đều được gửi đến từng thành viên và những người có liên quan đúng quy định và kịp thời.

○ **Ban Tổng Giám đốc của Công ty** có 6 thành viên gồm: Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc được phân công phụ trách các lĩnh vực hoạt động của Công ty: Kỹ thuật, Vật tư – XNK, Thị trường, Công nghệ và Dự án.

Trong năm qua, Ban Tổng Giám đốc đã có những chính sách, biện pháp sát với tình hình thực tế, chỉ đạo, điều hành xuyên suốt các phòng ban, các công ty và đơn vị trực thuộc thực hiện các chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2011 do Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị đề ra.

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc, định kỳ 1 tháng 1 lần trực tiếp chỉ đạo cuộc họp giao ban với Ban Tổng Giám đốc, các Trưởng phòng chức năng Công ty, Giám đốc các Công ty TNHH một thành viên và đơn vị trực thuộc để nghe báo cáo tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

đồng thời có ý kiến chỉ đạo trực tiếp tại cuộc họp. Sau mỗi cuộc họp, các thông báo kết luận giao ban được gửi trực tiếp đến các phòng ban, các đơn vị trực thuộc để triển khai thực hiện.

○ **Ban kiểm soát** gồm ba thành viên: Ông Nguyễn Văn Lĩnh (Trưởng Ban kiểm soát), Ông Ngô Huy Tuệ (Thành viên Ban kiểm soát), Bà Nguyễn Thị Thuý (Thành viên Ban kiểm soát). Trong năm qua, Ban kiểm soát đã thực hiện đúng chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc thực hiện quản lý, điều hành công ty và các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty.

Xây dựng văn hóa doanh nghiệp

Trong quá trình xây dựng và phát triển, văn hóa doanh nghiệp luôn được DABACO chú trọng hoàn thiện để phát huy cao nhất các nguồn lực phục vụ cho sản xuất kinh doanh, từ đó nâng cao hiệu quả kinh doanh, đảm bảo sự phát triển bền vững. Văn hóa doanh nghiệp do DABACO xây dựng dựa trên những giá trị cốt lõi mà bất kỳ nhân viên nào cũng được giáo dục và tuyên truyền. Đặc trưng cơ bản của hệ thống văn hóa doanh nghiệp DABACO, đó là: Khách hàng là trung tâm của mọi công việc, luôn cung cấp cho khách hàng sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, khuyến khích sự sáng tạo, thích ứng với những thay đổi nhanh chóng của môi trường kinh doanh, luôn luôn học hỏi, cải tiến, đề cao tính tập thể trong quản lý và ra quyết định, quan hệ giữa các thành viên trong doanh nghiệp bình đẳng, đoàn kết, hợp tác trong công việc, tính kỷ luật cao, tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, góp phần xây dựng xã hội bền vững.

Công tác nhân sự:

DABACO luôn xác định “**Con người là cội nguồn**” DABACO có đội ngũ cán bộ chủ chốt và kỹ thuật có năng lực, giàu kinh nghiệm, tâm huyết, được đào tạo tại các cơ sở có uy tín trong và ngoài nước.

○ *Về môi trường làm việc và đãi ngộ với người lao động*

Luôn tạo điều kiện cho người lao động làm việc, giao công việc phù hợp với khả năng. Đồng thời xây dựng các mối quan hệ nhân sự gắn bó, tinh thần đồng đội, tạo tinh thần đoàn kết là môi trường quan trọng nhất trong công ty.

Việc thực hiện chế độ tiền lương, nâng lương, nâng bậc, bảo hiểm xã hội và giải quyết các chính sách cho người lao động luôn được đảm bảo kịp thời, đúng quy định.

Bên cạnh đó, Công ty có quan tâm đến thân nhân của người lao động trong các dịp lễ tết, thăm hỏi cha mẹ, vợ chồng người lao động đau ốm, thương con người lao động học tập giỏi,....

○ *Chính sách đào tạo và tuyển dụng nhân sự*

Tạo điều kiện cho người lao động có nhu cầu học tập nâng cao trình độ. Chăm lo, duy trì các lao động kỹ thuật cao thông qua việc đánh giá đúng năng lực của người lao động, từ đó có kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm phát huy tài năng của người lao động.

Bên cạnh đó, Công ty còn xây dựng chiến lược thu hút, đào tạo và phát triển người tài, không ngừng cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động.

Công tác tài chính, kế toán

Ban lãnh đạo DABACO luôn quan tâm chú trọng nâng cao hiệu quả quản trị tài chính, duy trì tình hình tài chính lành mạnh, minh bạch, bảo toàn và phát triển vốn.

○ *Công tác hạch toán và báo cáo tài chính*

Các số liệu phát sinh luôn được cập nhật đầy đủ, chính xác và kịp thời đáp ứng yêu cầu quản lý. Các báo cáo tài chính được lập phù hợp với các quy định về kế

toán doanh nghiệp, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, được kiểm toán kịp thời và đầy đủ.

○ *Công tác tín dụng ngân hàng*

Ban lãnh đạo DABACO luôn chỉ đạo sát sao công tác tạo nguồn vốn, nguồn tín dụng, tăng cường các mối quan hệ hợp tác với các ngân hàng, tổ chức tín dụng.. Việc quản lý tài chính, cơ cấu nguồn vốn khoa học, đảm bảo hiệu quả cao nhất, tạo được lòng tin của các ngân hàng.

○ *Công tác quản lý chi phí*

Quản lý chi phí luôn được xác định là một trong những nhiệm vụ trọng tâm và đã được triển khai đến từng bộ phận, từng đơn vị sản phẩm. Định mức chi phí được xây dựng chi tiết và ngày một hoàn thiện mang tính chất hệ thống đồng thời là căn cứ kiểm soát giá thành sản phẩm.

Quản trị rủi ro

○ *Rủi ro thanh toán*

Đối với việc bán hàng, đại lý phải thanh toán cho DABACO bằng tiền mặt trước khi nhận hàng, không áp dụng hình thức bán chịu. Đối với việc nhập khẩu nguyên liệu, thanh toán bằng hình thức L/C, DABACO hợp tác chặt chẽ với ngân hàng kiểm tra kỹ độ tin cậy của ngân hàng mở L/C.

○ *Rủi ro tỷ giá*

Khoảng 60% nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi nhập khẩu từ nước ngoài và được thanh toán bằng Đô la Mỹ, nên để hạn chế rủi ro tỷ giá Công ty tính toán hợp lý và có kế hoạch cụ thể về việc nhập khẩu các mặt hàng nguyên liệu, đồng thời hợp tác với các ngân hàng cam kết đáp ứng nhu cầu mua hoặc vay ngoại tệ một cách linh hoạt.

○ *Rủi ro về công nghệ lạc hậu*

Ý thức được việc này, DABACO rất chú trọng công tác nghiên cứu, cải tiến, đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ, đảm bảo dây chuyền sản xuất tiên tiến, hiện đại nhất.

○ *Rủi ro về nguồn nhân lực*

Công ty tạo ra được môi trường văn hóa doanh nghiệp phù hợp, khuyến khích, động viên CBCNV và tạo ra sự tin tưởng vào sự phát triển của Công ty.

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



Với tư cách là đại diện cho chủ sở hữu, tôn chỉ tối cao trong hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát là đảm bảo quyền lợi hợp pháp và chính đáng của cổ đông. Mọi hoạt động của HĐQT, BKS đều tuân theo quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

Hoạt động công bố thông tin kịp thời, chính xác và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Mọi thắc mắc của cổ đông và các nhà đầu tư đều được giải đáp thông qua bộ phận quản lý cổ đông của Công ty.

Việc công bố thông tin tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của UBCK Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

DABACO luôn thực hiện công bố thông tin đầy đủ, chính xác, đúng hạn, đồng thời cũng đăng tải báo cáo tài chính và các thông tin quan trọng trên trang website của công ty: www.dabaco.com.vn.

Danh sách cổ đông lớn tại thời điểm chốt danh sách ngày 28/02/2012

TT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ
1	Cổ đông Nhà nước	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước(SCIC), Số 117 Trần Duy Hưng, Cầu Giấy, Hà Nội	6.000.000	12,39%
2	Nguyễn Như So	P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh	6.296.800	13,01%
3	Red River Holding	Tú Xương, P7, Q3, TP.HCM	5.038.499	10,41%
4	Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI	1C Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội	2.738.233	5,66%
	Tổng cộng		20.073.532	41.47%

Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm chốt danh sách cổ đông ngày 28/02/2012

TT	Cổ đông	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ (%)
I	Cổ đông trong nước	36.271.365	74,93
1	Cổ đông Nhà nước	6.000.000	12,39
2	Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, Ban kiểm soát	7.246.885	14,97
3	Cổ đông là người lao động trong Công ty	5.408.016	11,17
4	Cổ phiếu quỹ	0	0
5	Cổ đông khác	17.616.464	36,39
II	Cổ đông nước ngoài	12.138.595	25,07
	Tổng cộng:	48.409.960	100

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người liên quan

TT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Loại GD	Thời gian thực hiện	Số lượng CP giao dịch thành công
1	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	1.522.200
2	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	Mua	Từ ngày 26/5/2011-26/5/2011	200.000
3	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	Mua	Từ ngày 12/8/2011-05/9/2011	500.000
4	Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch HĐQT	Mua	Từ ngày 05/10/2011-17/10/2011	500.000
5	Bà Nguyễn Thị Tân Hòa	Con gái Ông Nguyễn Như So	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	68.680
6	Bà Nguyễn Thu Hiền	Con gái Ông Nguyễn Như So	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	73.300
7	Ông Nguyễn Văn Chuyên	Em trai Ông Nguyễn Như So	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	46.600
8	Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	20.000
9	Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Chủ tịch HĐQT	Mua	Từ ngày 31/5/2011-29/7/2011	133.100
10	Ông Nguyễn Khắc Thảo	Ủy viên HĐQT	Mua	Từ ngày 01/6/2011-29/7/2011	39.700
11	Ông Nguyễn Thế Tường	Ủy viên HĐQT	Mua	Từ ngày 31/5/2011-29/7/2011	144.000
12	Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	12.236
13	Ông Nguyễn Văn Linh	Trưởng BKS	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	10.400
14	Bà Nguyễn Thị Thùy	Thành viên BKS	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	4.300
15	Bà Nguyễn Thị Huệ Minh	Chánh VP.HĐQT- Người được ủy quyền CBTT	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	100.000
16	Bà Nguyễn Thị Vân	Con gái ông Nguyễn Văn Linh	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	2.000
17	Bà Lê Việt Hà	Vợ ông Tạ Hữu Khôi	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	666

Giao dịch cổ phiếu của cổ đông lớn

TT	Người thực hiện giao dịch	Loại GD	Thời gian thực hiện	Số lượng CP giao dịch thành công
1	Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà Nước (SCIC)	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	2.400.000
2	Ông Nguyễn Như So	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	1.522.200
3	Ông Nguyễn Như So	Mua	Từ ngày 26/5/2011-26/5/2011	200.000
4	Ông Nguyễn Như So	Mua	Từ ngày 12/8/2011-05/9/2011	500.000
5	Ông Nguyễn Như So	Mua	Từ ngày 05/10/2011-17/10/2011	500.000
6	Red River Holding	Mua	Phát hành cổ phiếu năm 2010	2.015.399

QUAN HỆ CỘNG ĐỒNG

○ Quan hệ xã hội:

Bằng chữ tâm lớn trên tinh thần tương thân, tương ái, trong nhiều năm qua, Công ty và CBCNV đã tích cực tham gia các hoạt động xã hội, các hoạt động từ thiện và bảo vệ môi trường của địa phương dưới nhiều hình thức tài trợ, quyên góp tiền, viếng thăm, tặng hiện vật như Ủng hộ Quỹ phòng chống lụt bão, ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em tỉnh Bắc Ninh, Công ty đã ủng hộ Quỹ đền ơn đáp nghĩa, quỹ vì người nghèo của tỉnh Bắc Ninh,....

Trong lĩnh vực giáo dục, công ty đặc biệt quan tâm và hỗ trợ các quỹ khuyến học của tỉnh. Hằng năm, công ty đều tặng quà cho các con của cán bộ công nhân viên đạt thành tích học tập giỏi để khuyến khích các em.

○ Quan hệ khách hàng

Công ty CP Tập đoàn DABACO Việt Nam luôn là người bạn tin cậy của các bạn hàng. Quyền lợi của khách hàng là quyền lợi của công ty. Luôn cung cấp cho khách hàng những sản phẩm tốt nhất, cùng chất lượng đạt tiêu chuẩn cao nhất.

○ Quan hệ đối tác kinh doanh

Công ty luôn duy trì và phát triển mối quan hệ hợp tác tốt đẹp với đối tác làm ăn trên cơ sở bình đẳng, tôn trọng lợi ích mỗi bên.



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

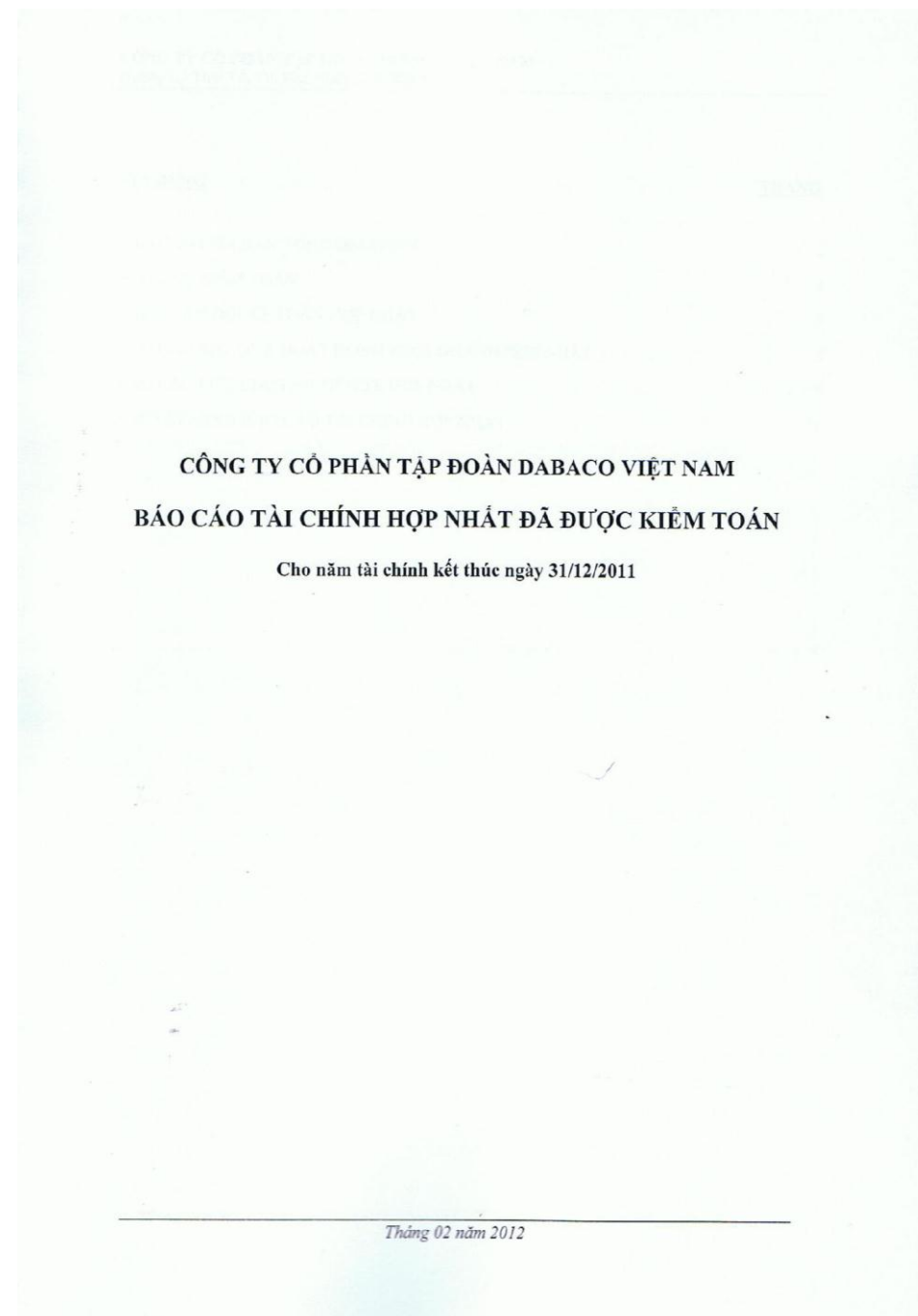
BẢN GIẢI TRÌNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kiểm toán độc lập

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY
- Địa chỉ: Tầng 6, 136 Hoàng Quốc Việt, Hà Nội
- Kiểm toán viên chính: Nguyễn Tự Trung – Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV
- Đã thực hiện kiểm toán cho Công ty từ năm 2010
- Ý kiến kiểm toán độc lập: Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Tập đoàn DABACO Việt Nam cho năm tài chính 2011:
 - + Đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính tại ngày 31/12/2011, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày.
 - + Phù hợp với Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành cũng như các quy định pháp lý có liên quan.

Kiểm toán nội bộ.

- Sổ sách kế toán được mở và ghi chép đầy đủ, rõ ràng các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.
- Việc trích lập các quỹ tiến hành đúng tinh thần Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.
- Việc công bố thông tin tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, quy định của UBCK Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và Trung tâm lưu ký chứng khoán.



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2011 và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Nguyễn Như So	Chủ tịch
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó chủ tịch
3. Ông Nguyễn Văn Quân	Phó chủ tịch
4. Ông Nguyễn Khắc Thảo	Thành viên
5. Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Thành viên
6. Ông Nguyễn Thế Tường	Thành viên
7. Ông Nguyễn Hoàng Nguyên	Thành viên
8. Ông Tạ Hữu Khôi	Thành viên
9. Ông Nguyễn Văn Mạnh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

1. Ông Nguyễn Như So	Tổng Giám đốc
2. Ông Nguyễn Văn Tuấn	Phó Tổng Giám đốc
3. Ông Nguyễn Văn Quân	Phó Tổng Giám đốc
4. Ông Nguyễn Văn Mạnh	Phó Tổng Giám đốc
5. Ông Nguyễn Khắc Thảo	Phó Tổng Giám đốc
6. Ông Nguyễn Trọng Kích	Phó Tổng Giám đốc
7. Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Giám đốc tài chính

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, ngoài sự kiện đã nêu tại Thuyết minh số 33.1 của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 09/2010/TT-BTC ngày 15/01/2010 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và Quyết định số 325/QĐ-SGDHN ngày 04/06/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Như Sơn
Tổng Giám đốc

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Số 45/2012/UHY - BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất ngày 31/12/2011 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 25/02/2012, trình bày từ trang 05 đến trang 35 kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các Quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.



Nguyễn Tự Trung
Tổng Giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1226/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Phạm Gia Đạt
Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0798/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.449.793.352.107	1.303.858.717.527
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	490.322.035.548	213.147.169.656
Tiền	111		66.967.936.248	213.147.169.656
Các khoản tương đương tiền	112		423.354.099.300	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		364.974.178.068	398.107.832.234
Phải thu khách hàng	131		201.327.263.786	233.600.749.422
Trả trước cho người bán	132		138.741.406.447	138.467.866.081
Các khoản phải thu khác	135	5	24.905.507.835	26.039.216.731
Hàng tồn kho	140		1.542.081.935.357	667.400.608.977
Hàng tồn kho	141	6	1.542.081.935.357	667.400.608.977
Tài sản ngắn hạn khác	150		52.415.203.134	25.203.106.660
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.551.792.963	2.476.697.915
Thuế GTGT được khấu trừ	152		10.331.346.954	2.251.465.174
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		3.058.882	146.763.648
Tài sản ngắn hạn khác	158	7	39.529.004.335	20.328.179.923
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		752.068.352.892	846.344.937.798
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		731.450.701.204	824.472.484.135
Tài sản cố định hữu hình	221	8	670.305.180.087	579.714.290.447
- Nguyên giá	222		896.224.833.860	742.197.501.540
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(225.919.653.773)	(162.483.211.093)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		1.601.909.250	1.636.556.598
- Nguyên giá	228		1.732.367.401	1.732.367.401
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(130.458.151)	(95.810.803)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	9	59.543.611.867	243.121.637.090
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		2.528.623.617	2.416.627.000
Đầu tư dài hạn khác	258	10	2.528.623.617	2.416.627.000
Tài sản dài hạn khác	260		8.634.689.874	8.819.696.191
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	8.634.689.874	8.819.696.191
Lợi thế thương mại	269	12	9.454.338.197	10.636.130.472
TỔNG TÀI SẢN	270		3.201.861.704.999	2.150.203.655.325

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		1.970.716.265.307	1.374.876.801.212
Nợ ngắn hạn	310		1.458.560.660.352	940.977.224.341
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	1.042.971.600.708	586.780.980.553
Phải trả người bán	312		236.837.181.496	192.757.512.008
Người mua trả tiền trước	313		13.969.956.667	13.528.808.353
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	37.362.106.980	73.593.207.556
Phải trả người lao động	315		39.043.399.957	13.308.480.240
Chi phí phải trả	316	15	28.606.379.697	30.468.733.018
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	42.190.685.086	21.734.984.258
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		17.579.349.761	8.804.518.355
Nợ dài hạn	330		512.155.604.955	433.899.576.871
Phải trả dài hạn khác	333		2.177.242.000	1.732.485.000
Vay và nợ dài hạn	334	17	509.978.362.955	432.167.091.871
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.231.145.439.692	763.526.854.113
Vốn chủ sở hữu	410	18	1.231.145.439.692	763.526.854.113
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		436.111.000.000	254.466.600.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		355.328.261.700	228.290.181.700
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		6.986.489.982	13.227.476.717
Quỹ đầu tư phát triển	417		182.445.741.648	78.244.285.736
Quỹ dự phòng tài chính	418		29.843.672.107	12.997.624.401
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		220.430.274.255	176.300.685.559
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439	19	-	11.800.000.000
TỔNG NGUỒN VỐN	440		3.201.861.704.999	2.150.203.655.325

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2011	01/01/2011
Ngoại tệ các loại		-	-
USD		73.355,55	68.581,09
EUR		0,11	0,11

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2012
Tổng Giám đốc



Nguyễn Như So

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chi tiêu	Mã	Thuyết số	minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21		4.047.660.722.223	2.570.934.180.986
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	22		129.674.769.677	53.156.854.782
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23		3.917.985.952.546	2.517.777.326.204
Giá vốn hàng bán	11	24		3.468.681.249.839	2.171.832.483.774
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			449.304.702.707	345.944.842.430
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25		68.326.052.178	20.225.434.134
Chi phí tài chính	22	26		139.681.068.232	75.987.835.981
Trong đó: Chi phí lãi vay	23			120.666.280.846	70.612.379.390
Chi phí bán hàng	24	27		65.520.703.794	45.221.364.579
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	28		92.667.363.459	54.953.166.266
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			219.761.619.400	190.007.909.738
Thu nhập khác	31	29		39.226.060.289	31.053.497.189
Chi phí khác	32	30		21.227.738.901	18.682.911.926
Lợi nhuận khác	40			17.998.321.388	12.370.585.263
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			237.759.940.788	202.378.495.001
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31		17.329.666.533	26.077.809.442
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			220.430.274.255	176.300.685.559
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62			220.430.274.255	176.300.685.559
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32		5.332	6.928

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2012
Tổng Giám đốc



Nguyễn Như So

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	1		237.759.940.788	202.378.495.001
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		65.383.334.844	38.704.010.070
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	4		-	(206.459.467)
(Lãi) hoạt động đầu tư	5		(54.087.927.813)	(7.172.085.066)
Chi phí lãi vay	6		120.666.280.846	70.612.379.390
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		369.721.628.665	304.316.339.928
Giảm/ (Tăng) các khoản phải thu	9		7.230.955.953	(307.840.114.074)
(Tăng) hàng tồn kho	10		(737.901.286.085)	(322.894.084.822)
Tăng các khoản phải trả	11		44.152.637.980	139.983.178.947
(Tăng) chi phí trả trước	12		(3.711.837.860)	(3.586.031.090)
Tiền lãi vay đã trả	13		(97.408.259.726)	(68.214.439.919)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(20.880.940.976)	(21.926.594.645)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	1.695.010.997
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(45.516.022)	(2.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(438.842.618.071)	(280.466.734.678)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(274.129.258.914)	(349.711.851.711)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		531.334.546	849.090.909
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.200.000.000	4.578.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		57.096.497.805	17.609.092.886
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(173.301.426.563)	(326.675.667.916)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		308.682.480.000	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	35.100.000
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		3.705.007.147.327	2.048.750.945.534
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(3.086.361.802.909)	(1.595.571.410.505)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.169.990.000)	(19.921.575.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		889.157.834.418	433.293.060.029
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		277.013.789.784	(173.849.342.565)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		213.147.169.656	387.042.028.243
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		161.076.108	(45.516.022)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		490.322.035.548	213.147.169.656

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Nguyễn Thị Thu Hương

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc

Nguyễn Như So

Nguyễn Như So



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Dấu tơ tằm Hà Bắc được thành lập theo Quyết định số 1101/CT ngày 23/12/1992 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Bắc. Theo Quyết định số 27/UB ngày 29/03/1996 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Bắc, Công ty được đổi tên thành Công ty Nông Sản Hà Bắc. Theo Quyết định số 111/CT ngày 04/03/1997 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh, Công ty được đổi tên thành Công ty Nông Sản Bắc Ninh. Công ty Nông sản Bắc Ninh được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Nông sản Bắc Ninh theo Quyết định số 46/2004/QĐUB ngày 19/03/2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Ninh. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 số 2300105790 ngày 28/03/2011 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp.

Năm 2011, Công ty hai lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh so với Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 2300105790 ngày 06/05/2010, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 22/02/2011 Công ty đã nâng vốn điều lệ từ 254.466.600.000 đồng lên 436.111.000.000 đồng, và theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 12 ngày 28/03/2011 Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam đổi tên thành Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam.

Từ tháng 03 năm 2008, cổ phiếu của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán là DBC.

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính:

- Sản xuất thức ăn chăn nuôi;
- Sản xuất và kinh doanh thuốc thú y;
- Sản xuất phân bón, thuốc trừ sâu vi sinh;
- Sản xuất và kinh doanh giống gia súc, gia cầm, thủy cầm, giống thủy sản;
- Sản xuất tinh lợn, trâu, bò;
- Kinh doanh vật tư thiết bị, hóa chất phục vụ sản xuất nông công nghiệp, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi và thuốc bảo vệ thực vật;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị máy móc, phương tiện vận tải, hàng nông sản và thủ công mỹ nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi, nguyên liệu thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y;
- Đại lý kinh doanh xăng dầu, cảng bốc xếp và vận tải hàng hóa;
- Kinh doanh bất động sản, nhà ở và đầu tư xây dựng hạ tầng khu đô thị mới, khu công nghiệp vừa và nhỏ;
- Nuôi giữ, lai tạo đàn giống gốc: gia súc, gia cầm, thủy sản;
- Giết mổ, chế biến thịt gia súc, gia cầm;
- Sản xuất, chế biến thức ăn thủy sản;
- Sản xuất, chế biến, kinh doanh nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi: gia súc, gia cầm, thủy cầm, thủy sản;
- Kinh doanh hoạt động thương mại bao gồm: khách sạn, nhà hàng, siêu thị, đại lý ô tô, kinh doanh dịch vụ ăn uống, đồ dùng cá nhân và gia đình; và
- Các hoạt động kinh doanh khác theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC

TT	Đơn vị	Địa chỉ
A	Các đơn vị hạch toán phụ thuộc	
1	Văn phòng Công ty	
2	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Dabaco	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
3	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
4	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi Kinh Bắc	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
5	Nhà máy Chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Khang ti Vina	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
6	Cửa hàng Xăng dầu	Cụm công nghiệp Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
7	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam tại Hà Nội (*)	Phường Kim Liên, Quận Đống Đa, thành phố Hà Nội
8	Văn phòng đại diện Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam	Số 265 đường Nguyễn Trãi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An
9	Chi nhánh Công ty Cổ phần Dabaco Việt Nam tại TP Hồ Chí Minh	Số 22 ấp 4, đường số 18, xã Bình Hưng, huyện Bình Chánh

(*) Ngày 13/01/2011 Chi nhánh chính thức ngừng hoạt động và giải thể theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam số 01/2011/BB-HĐQT.

B Các Công ty con

I Các Công ty con có 100% vốn điều lệ do Công ty đầu tư

1	Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển chăn nuôi gia công	Cụm công nghiệp Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
2	Công ty TNHH Càng Dabaco Tân Chi	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
3	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Thương mại Bắc Ninh	Khu công nghiệp Khắc Niệm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
4	Công ty TNHH Lợn giống Dabaco	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
5	Công ty TNHH Đầu tư phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	Cụm công nghiệp xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
6	Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang	Khu công nghiệp Khắc Niệm, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh
7	Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
8	Công ty TNHH Bất động sản Dabaco	Đường Lý Thái Tổ, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.
9	Công ty TNHH Nutreco	KCN Đại Đồng, Hoàn Sơn, huyện Tiên Du, Tỉnh Bắc Ninh
10	Công ty TNHH MTV Gà giống Dabaco	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
11	Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.
12	Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Dabaco	Đường Huyền Quang, phường Ninh Xá, thành phố Bắc Ninh
13	Công ty Lợn Giống Hạt nhân	Xã Tân Chi, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh
14	Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc (1)	Cụm công nghiệp Mông Hóa, xã Mông Hóa, huyện Kỳ Sơn, tỉnh Hòa Bình,
15	Công ty TNHH Nông nghiệp công nghệ cao Dabaco (2)	Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 CƠ CẤU TỔ CHỨC (TIẾP)

II Các Công ty do Công ty nắm giữ trên 50% quyền biểu quyết

1	Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu (3)	Khu công nghiệp Sông Hậu, xã Tân Thành, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp
---	-------------------------------------	--

(1) Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3400261076 đăng ký lần đầu ngày 14/12/2007 và được thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ 3 ngày 19/04/2011 đến tháng 8 năm 2011 Công ty mới chính thức đi vào hoạt động;

(2) Công ty TNHH Nông nghiệp Công nghệ cao Dabaco được thành lập theo Biên bản họp Hội đồng quản trị Công ty CP Tập đoàn Dabaco Việt Nam ngày 07/09/2011 với vốn điều lệ là 20.000.000.000 đồng. Đến thời điểm lập báo cáo này Công ty đang trong quá trình hoàn thiện các thủ tục pháp lý để chính thức đi vào hoạt động;

(3) Ngày 28/02/2011 Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu cho Bà Trần Thị Anh Nguyệt, Tổng số cổ phần chuyển nhượng là 4.320.000 cổ phần, giá chuyển nhượng là 11.000 đồng/cổ phần, tổng giá trị chuyển nhượng là 47.520.000.000 đồng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty được lập theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 của Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các Công ty con, các giao dịch và số dư nội bộ giữa các đơn vị phụ thuộc và Công ty con đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Danh sách các đơn vị phụ thuộc và các Công ty con được hợp nhất

Danh sách các đơn vị hạch toán phụ thuộc và các Công ty con được hợp nhất trong Báo cáo Hợp nhất này Chi tiết xem tại mục 1.3 - Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoại trừ một số đơn vị hạch toán phụ thuộc và Công ty con không được hợp nhất dưới đây.

Danh sách đơn vị phụ thuộc và các Công ty con không hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ	Ghi chú
-------------	---------	---------

Các đơn vị hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim Liên, Quận Thanh lý ngày 13/01/2011 phần Dabaco Việt Nam Đồng Đa, thành phố Hà Nội không phát sinh số liệu từ 01/01/2011 đến ngày thanh lý.

Các công ty con

Công ty TNHH Nông Xã Lạc Vệ, huyện Tiên Du, Chưa có số liệu nghiệp công nghệ cao tỉnh Bắc Ninh. Dabaco

Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu Khu công nghiệp Sông Hậu, Thanh lý ngày 28/02/2011 xã Tân Thành, huyện Lai không phát sinh số liệu từ Vung, tỉnh Đồng Tháp 01/01/2011 đến ngày thanh lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**2.2 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam nên Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.3 LẬP DỰ PHÒNG

Tại ngày 31/12/2011, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính và nợ phải thu khó đòi.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN (TIẾP)**

Loại tài sản	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	05 – 50
Máy móc, thiết bị	03 – 15
Thiết bị văn phòng	03 – 10
Phương tiện vận tải	06 – 10

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là chi phí giải phóng mặt bằng tại trụ sở chính của Công ty TNHH một thành viên Thương mại Hiệp Quang. Chi phí giải phóng mặt bằng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian thuê của lô đất.

3.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định và có giá gốc trên 5 triệu đồng, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong 02 năm.

3.8 LỢI THỂ THƯƠNG MẠI

Lợi thể thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con. Lợi thể thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm từ năm 2010 đến năm 2019. Khi các khoản đầu tư được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của lợi thể thương mại nằm trong giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán thức ăn gia súc, doanh thu bán nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi, doanh thu bán gà, lợn giống, xăng dầu, doanh thu phế thải, doanh thu các dự án phát triển bất động sản và doanh thu liên quan đến hoạt động xây dựng.

Doanh thu bán vật tư, nguyên liệu, xăng dầu, thức ăn gia súc, bán gà, lợn giống được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hóa cho khách hàng, phát hành hóa đơn và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Đối với các dự án phát triển bất động sản là các khu đô thị mới doanh thu là tiền xây dựng nhà thô trên đất được ghi nhận khi giao nhà thô cho khách hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 GHI NHẬN DOANH THU (TIẾP)

Doanh thu liên quan đến hoạt động xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính (được khách hàng chấp nhận nếu quy định điều khoản này trong hợp đồng xây dựng) được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc năm tài chính so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi đầu tư và lãi từ hoạt động tài chính khác.

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính.

3.10 NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 ("Thông tư 201") hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

- Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.
- Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày này.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại thời điểm ngày kết thúc niên độ kế toán không được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong năm mà ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.
- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản mục tiền tệ dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Trong trường hợp Công ty bị lỗ, Công ty có thể phân bổ một phần khoản lỗ chênh lệch tỷ giá trong vòng 5 năm tiếp theo sau khi đã trừ đi phần chênh lệch tỷ giá phát sinh tương ứng với phần nợ dài hạn đến hạn trả.

Thông tư 201 có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Cụ thể theo quy định tại Chuẩn mực này tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Nếu áp dụng Chuẩn mực này, doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2011 sẽ tăng lên là: 6.986.489.982 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.11 THUẾ

Thuế giá trị gia tăng (VAT):

Doanh thu bán các sản phẩm thức ăn gia súc gia cầm chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng là 5%; doanh thu bán sản phẩm dầu thực vật, xăng dầu chịu thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10%; riêng doanh thu bán gia súc, gia cầm không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp:

Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả của năm hiện hành và số thuế hoãn lại (nếu có).

Số thuế của năm hiện hành phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (trong trường hợp Công ty điều chỉnh các khoản thuế hoãn lại hoặc áp dụng chính sách kế toán phản ánh doanh thu và chi phí khác với chính sách thuế của năm hiện hành), không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty mẹ áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế của Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi Dabaco, Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Topfeeds, Nhà máy chế biến thức ăn thủy sản Kinh Bắc trong 10 năm. Thuế suất thuế TNDN của Chi nhánh Công ty tại Thành phố Hồ Chí Minh, cửa hàng Xăng dầu và các công ty con khác là 25%.

Riêng Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang thì theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21121000049 ngày 03/01/2008 Công ty áp dụng thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế trong 10 năm kể từ khi dự án bắt đầu hoạt động sản xuất kinh doanh, được miễn thuế TNDN trong 2 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 3 năm tiếp theo.

Công ty mẹ được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 5 năm tiếp theo kể từ khi kinh doanh có lãi. Năm 2011 là năm thứ 5 Công ty được hưởng ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp, được giảm 50% số thuế phải nộp.

Theo Nghị định số 101/2011/NĐ-CP ngày 04/11/2011 của Chính phủ về việc ban hành bổ sung một số giải pháp về thuế nhằm tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp và cá nhân. Theo đó, Công ty mẹ và Công ty TNHH MTV Thương mại Hiệp Quang được giảm thêm 30% số thuế phải nộp do đáp ứng điều kiện Doanh nghiệp sử dụng nhiều lao động (trên 300 người) trong lĩnh vực sản xuất, gia công, chế biến nông sản, dệt may, xây dựng các công trình hạ tầng kinh tế - xã hội.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu.

3.13 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

Theo đó, các bên liên quan của Công ty là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc Công ty và các Cổ đông lớn của Công ty.

3.14 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

<u>Sản phẩm dịch vụ chính</u>	<u>Đơn vị thực hiện</u>
- Sản xuất và bán thức ăn chăn nuôi:	- Văn phòng Công ty - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty TNHH Nutreco - Công ty TNHH MTV DABACO Tây Bắc - Công ty TNHH Dịch vụ Thương Mại Bắc Ninh
- Chăn nuôi gia súc, gia cầm:	- Công ty TNHH Lợn giống DABACO - Công ty TNHH MTV Lợn giống Lạc Vệ - Công ty TNHH Lợn giống hạt nhân DABACO - Công ty TNHH MTV Gà giống DABACO
- Kinh doanh bất động sản:	- Công ty TNHH Bất động sản DABACO
- Gia công và chế biến thực phẩm:	- Công ty TNHH Chế biến thực phẩm DABACO - Công ty TNHH ĐT&PT Chăn nuôi gia công - Công ty TNHH ĐTPT Chăn nuôi lợn DABACO
- Khác:	- Xí nghiệp Xăng Dầu - Công ty TNHH Cảng DABACO Tân Chi - Công ty TNHH ĐTXD&PT Hạ tầng DABACO - Công ty TNHH MTV TM Hiệp Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tiền mặt	5.464.596.214	3.833.791.143
Tiền gửi ngân hàng	61.503.340.034	209.313.378.513
Các khoản tương đương tiền (*)	423.354.099.300	-
	490.322.035.548	213.147.169.656

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	63.346.970	49.798.074
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	1.966.930.980	481.250.000
Phải thu tiền bảo hiểm Pjico	11.145.738.610	24.492.236.490
Phải thu tiền cho Bà Nguyệt vay	11.369.802.216	-
Các khoản phải thu khác	359.689.059	1.015.932.167
	24.905.507.835	26.039.216.731

6. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	403.258.876.777	253.066.323.427
Công cụ, dụng cụ	1.512.957.510	1.317.482.099
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.024.159.386.435	377.017.932.731
Thành phẩm	71.216.598.428	14.038.078.214
Hàng hoá	41.934.116.207	21.960.792.506
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	1.542.081.935.357	667.400.608.977

7. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Tạm ứng	17.789.212.148	10.355.563.880
Các khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn	21.739.792.187	9.972.616.043
	39.529.004.335	20.328.179.923

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYỄN GIÁ					
01/01/2011	379.846.829.583	309.848.851.224	41.428.590.746	11.073.229.987	742.197.501.540
- Mua trong năm	6.230.835.517	29.986.079.672	12.811.783.743	1.749.227.197	50.777.926.129
- Đầu tư XDCB hoàn thành	173.467.205.795	91.497.864.698	2.481.380.000	1.066.051.360	268.512.501.853
- Tăng khác	1.972.814.623	2.189.788.112	-	-	4.162.602.735
- Thanh lý, nhượng bán	-	(782.467.107)	(1.651.140.288)	-	(2.433.607.395)
- Giảm khác	(2.825.563.735)	(579.437.873)	(7.809.520)	(244.518.874)	(3.657.330.002)
- Chuyển nhượng Dabaco Sông Hậu	(66.676.517.807)	(95.828.147.739)	(599.795.454)	(230.300.000)	(1.63.334.761.000)
31/12/2011	492.015.603.976	336.332.530.987	54.463.009.227	13.413.689.670	896.224.833.860
HAO MÓN LỬY KẾ					
01/01/2011	(54.023.361.464)	(84.501.749.890)	(17.544.675.753)	(6.413.423.986)	(162.483.211.093)
- Khấu hao trong năm	(28.990.704.233)	(27.321.281.240)	(6.252.491.954)	(2.784.210.069)	(65.348.687.496)
- Tăng khác	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	671.387.221	170.169.169	721.582.518	-	891.751.687
- Giảm khác	-	314.716.103	7.809.520	26.580.285	1.020.493.129
31/12/2011	(82.342.678.476)	(111.338.145.858)	(23.067.775.669)	(9.171.053.770)	(225.919.653.773)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
01/01/2011	325.823.468.119	225.347.101.334	23.883.914.993	4.659.806.001	579.714.290.447
31/12/2011	409.672.925.500	224.994.385.129	31.395.233.558	4.242.635.900	670.305.180.087

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2011 là 57.588.482.651 đồng.

Giá trị còn lại của TSCĐ đang cầm cố, thế chấp cho các khoản vay Ngân hàng tại 31/12/2011 là 112.856.246.844 đồng.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ ĐANG

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Tổng số chi phí XDCB dở dang		
Trong đó: Những công trình lớn:		
- Nhà máy chế biến thực phẩm	15.469.912.054	8.611.938.600
- Nhà máy Nutreco Hoàn Sơn	-	64.454.391.192
- Khu công nghiệp Quế Võ 3 (*)	-	136.786.686.348
- Dabaco Tây Bắc	-	1.332.948.000
- Siêu thị Dabaco Bắc Ninh	-	8.469.381.077
- Dự án xí nghiệp gà đẻ siêu trứng	-	13.149.056.697
- Dự án nhà máy xử lý nguyên liệu Khắc Niệm	7.499.520.939	4.392.411.539
- Dự án rau sạch	-	2.270.260.000
- Dự án nhà trẻ mẫu giáo TP Bắc Ninh	-	1.220.959.000
- Dự án nhà làm việc cao tầng	12.559.070.360	474.869.470
Nguyễn Đăng Đạo	-	-
- Nhà GTSP - TP sạch - đường Nguyễn Cao	-	234.504.000
- Trung tâm thương mại và DV Khắc Niệm	6.588.145.616	153.813.616
- Dự án bệnh viện Babaco	11.556.871.219	54.545.455
- Nhà máy xử lý trứng sạch Yên Phong	27.227.455	27.227.455
- Dự án Công ty gà giống tại Tân Chi	503.591.000	-
- Dự án mở rộng xí nghiệp chăn nuôi Thủy sản	51.018.182	-
- Công ty TNHH DV Thương mại Bắc Ninh	1.177.600.000	1.177.600.000
- Dự án làng nghề Hương Mạc	-	311.044.641
- Nhà máy sấy Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc	4.110.655.042	-
	59.543.611.867	243.121.637.090

(*) Trong năm, Dự án khu Công nghiệp Quế Võ 3 năm 2011 được kết chuyển sang theo dõi trên khoản mục "Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang" cho phù hợp với mục đích đầu tư của Công ty.

10. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
Đầu tư dài hạn khác		
+ Công ty CP CSC Việt Nam	2.528.623.617	2.416.627.000
	2.528.623.617	2.416.627.000

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Công cụ dụng cụ	8.634.689.874	4.879.022.062
Công ty TNHH MTV Chế biến Thực phẩm	1.069.632.973	999.572.582
Công ty TNHH Lợn giống DABACO	1.471.432.019	908.551.784
Công ty TNHH Thương mại Hiệp Quang	746.604.321	732.022.685
Công ty TNHH MTV Bất động sản Dabaco	297.977.175	567.300.583
Công ty TNHH DV Thương Mại Bắc Ninh	2.953.995.765	460.384.086
Công ty lợn giống Lạc Vệ	151.830.791	387.850.327
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển chăn nuôi lợn Dabaco	-	258.320.941
Văn phòng Công ty và các Nhà máy thức ăn chăn nuôi	707.695.000	235.053.315
Công ty Đầu tư xây dựng và phát triển Hạ tầng	195.693.384	219.049.091
Công ty TNHH MTV gà giống Dabaco	115.460.543	110.916.668
Công ty TNHH Nutreco	428.308.634	-
Công ty TNHH MTV Dabaco Tây Bắc	350.361.953	-
Lợn giống hạt nhân	145.697.316	-
Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	3.940.674.129
Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu	-	3.940.674.129
	8.634.689.874	8.819.696.191

12. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Lợi thế thương mại	9.454.338.197	10.636.130.472
	9.454.338.197	10.636.130.472

Ngày 30/06/2009, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam hoán đổi cổ phần của Công ty Cổ phần thương mại Hiệp Quang. Sau khi hoán đổi, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam là Công ty mẹ sở hữu 100% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thương mại Hiệp Quang (là Công ty con). Lợi thế thương mại phát sinh 11.817.922.747 đồng được phân bổ trong vòng 10 năm kể từ năm 2010 là phần chênh lệch giữa giá thị trường tại thời điểm mua (26.000 đồng/cổ phần) và giá mua đã hạch toán (15.000 đồng/cổ phần) của 1.116.660 cổ phần.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay ngắn hạn	911.513.461.727	555.085.015.153
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Bắc Ninh	453.972.376.458	223.295.314.048
+ Ngân hàng Công Thương - CN Bắc Ninh	199.132.262.120	134.854.074.101
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	70.995.231.261	15.000.000.000
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - Chi nhánh Bắc Ninh	67.197.369.849	50.757.604.553
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Bắc Ninh	16.889.244.000	89.761.832.660
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	32.825.694.907	-
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Từ Sơn	-	37.666.189.791
+ Ngân hàng NN và PTNT Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình	41.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Liên Việt - Chi nhánh Thăng Long	18.989.606.132	-
+ Vay cá nhân	10.511.677.000	3.750.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	131.458.138.981	31.695.965.400
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB)	9.357.895.776	13.087.552.800
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	12.780.931.205	12.484.412.600
+ Ngân hàng Công Thương - CN Bắc Ninh	52.799.168.000	6.124.000.000
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam Dự án Đền Đô	48.149.000.000	-
+ Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh Bắc Ninh	1.171.144.000	-
+ Ngân hàng Ngoại thương Bắc Ninh	7.200.000.000	-
	1.042.971.600.708	586.780.980.553

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Thuế GTGT	3.705.321.789	1.302.817.825
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	10.343.526.533	13.782.296.337
Thuế thu nhập cá nhân	14.975.754	294.853.358
Tiền sử dụng đất	21.930.611.502	57.968.054.462
Tiền thuê đất	1.308.973.402	245.185.574
Thuế tài nguyên	39.132.000	-
Các loại thuế khác	19.566.000	-
	37.362.106.980	73.593.207.556

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Trích trước chi phí lãi vay	2.301.083.844	1.733.001.226
Trích trước chi phí giá vốn hoạt động kinh doanh	3.615.357.351	21.610.798.589
Bất động sản (*)		
Phải trả cho các nhà thầu xây dựng nhà máy Dabaco Sông Hậu	-	7.113.101.399
Chi phí phải trả khác	-	11.831.804
Lãi mua trái phiếu chuyển đổi	22.689.938.502	-
	28.606.379.697	30.468.733.018

(*) Là khoản trích trước chi phí cho dự án nhà ở khu Thuận Thành - Bắc Ninh bao gồm chi phí phá dỡ và chi phí đầu tư xây dựng hạ tầng.

16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	678.058.642	264.165.345
Kinh phí công đoàn	1.749.019.190	930.100.546
Các khoản phải trả, phải nộp khác	39.763.607.254	20.540.718.367
- Phải trả cổ tức	-	3.600.000
- Chiết khấu phải trả các đại lý	38.272.084.380	15.170.384.000
- Nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	-	119.742.301
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.491.522.874	5.246.992.066
	42.190.685.086	21.734.984.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vay dài hạn	509.978.362.955	432.167.091.871
- Vay ngân hàng	254.686.762.955	429.667.091.871
+ Ngân hàng NN và PTNT - CN Bắc Ninh, theo hợp đồng tín dụng số 2600LAY200900370 ngày 30/06/2009, hạn mức vay theo hợp đồng 68 tỷ đồng, thời hạn vay 7 năm, lãi suất được công bố trong từng thời kỳ, mục đích khoản vay đầu tư xây dựng Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco 16T/H. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hình thành từ khoản vay.	9.598.180.600	13.017.255.400
+ Ngân hàng Công Thương - CN Bắc Ninh, theo hợp đồng tín dụng số 02/DBC-QV3 ngày 30/10/2009, số hạn mức cho vay là 200 tỷ đồng, thời hạn vay 66 tháng, thời gian ân hạn 1 năm, lãi suất bằng lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả lãi cuối kỳ cộng biên độ tối thiểu là 3%/năm. Mục đích khoản vay đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật KCN Quế Võ III. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ giá trị tài sản cố định hình thành từ khoản vay.	135.199.807.608	107.498.254.208
+ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (VIB), theo hợp đồng tín dụng số 1973/HDTĐ2-VIB06/06 ngày 16/04/2007, số tiền vay 30 tỷ đồng, thời gian vay 6 năm, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả lãi sau của VIB công 2,6%/năm. Mục đích khoản vay xây dựng nhà máy chế biến thức ăn CN Dabaco. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định này hình thành từ vốn vay.	9.020.532.000	18.282.126.144
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Bắc Ninh, theo các hợp đồng tín dụng số 033/09/NHNT/BN ngày 03/07/2009, thời hạn vay 90 tháng và được ân hạn trong vòng 18 tháng, lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm 12 tháng trả sau của NHTMCPNTVN - CN Bắc Ninh + 3%/năm. Mục đích vay đầu tư Nhà máy chế biến thức ăn chăn nuôi cao cấp Nutreco tại KCN Hoàn Sơn công suất 16T/H, khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định này hình thành từ vốn vay.	56.656.626.734	45.239.060.950
+ Ngân hàng Hàng Hải - CN Bắc Ninh	-	1.600.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
+ Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam, theo các hợp đồng tín dụng:	42.876.236.769	143.051.198.839
- Số 90/HĐTD/TH-PN/TCB-Bắc Ninh ngày 24/09/2008, số tiền vay 26 tỷ đồng (16 tỷ xây dựng nhà máy giết mổ, 10 tỷ xây dựng nhà máy 1600 nải), thời hạn vay 54 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau của NH Techcombank cộng 0,71%/tháng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.	1.744.139.249	8.691.229.527
- Số 13/HĐTD/TH-PN/TCB-BN ngày 02/11/2010, số tiền cho vay 190 tỷ, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả lãi sau của NH Techcombank cộng 4%/năm không thấp hơn lãi suất 14%/năm. Mục đích xây dựng dự án Đô thị Đền Đô - Đình Bảng.	25.000.000.000	112.349.000.000
- Số 104/HĐTD/TH-PN/TCB-Bắc Ninh ngày 24/05/2009, thời hạn vay 72 tháng, lãi suất bằng lãi suất huy động 12 tháng trả sau của NH Techcombank cộng biên độ 0,52%/tháng. Mục đích vay xây dựng khu chăn nuôi và môi trường sinh thái. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ nguồn vốn vay.	16.132.097.520	22.010.969.312
+ Ngân hàng Công thương Việt Nam chi nhánh Sa Đéc số 0108/ICBSĐ-DBCSH ngày 18/01/2008 thời hạn vay 72 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 12%/năm áp dụng cho năm đầu tiên, từ năm thứ 2 trở đi áp dụng lãi suất bằng lãi suất tiết kiệm VND 12 tháng cộng biên độ tối thiểu 3,5%/năm nhưng không thấp hơn mức sàn quy định của Ngân hàng Công thương Việt Nam. Khoản vay được sử dụng để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất thức ăn thui sản Dabaco Sông Hậu công suất 20 tấn/giờ. Tài sản hình thành từ nguồn vay được dùng để thế chấp.	-	91.000.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

17. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN (TIẾP)

	31/12/2011 VND	01/01/2011 VND
+ Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh, hợp đồng vay trung dài hạn từ 3 - 4 năm dùng để đầu tư cơ sở hạ tầng ban đầu, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ. Công ty thế chấp toàn bộ tài sản hình thành từ vốn vay.	1.335.379.245	9.563.196.330
+ Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - chi nhánh Bắc Ninh, hợp đồng vay thời hạn 3 năm dùng để đầu tư mua máy tái chế, lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ, tài sản thế chấp hình thành từ vốn vay.	-	416.000.000
- Vay đối tượng khác	825.000.000	2.500.000.000
+ Công ty CP XNK Vigracera	825.000.000	825.000.000
+ Vay cá nhân	-	1.675.000.000
- Trái phiếu phát hành (*)	254.466.600.000	-
	509.978.362.955	432.167.091.871

(*): Trong năm, Công ty đã phát hành trái phiếu chuyển đổi cho các cổ đông hiện hữu, mệnh giá 100.000 đồng/trái phiếu, số lượng trái phiếu phát hành 2.544.666 trái phiếu, giá phát hành bằng 100% mệnh giá, với thời hạn 2 năm kể từ ngày phát hành (14/02/2011), lãi suất 10%/năm. Trái phiếu được phép chuyển đổi 50% vào ngày tròn năm thứ nhất của ngày phát hành và 50% vào ngày tròn năm thứ hai, giá trị chuyển đổi bằng 70% giá thị trường tại thời điểm phát hành (là trung bình giá bình quân của 10 ngày giao dịch liên tiếp trước ngày đăng ký cuối cùng để mua trái phiếu).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
01/01/2010	254.466.600.000	228.290.181.700	(35.100.000)	(1.649.494.975)	54.086.034.941	5.786.002.427	7.831.000.000	56.903.069.743	605.678.293.836
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	176.300.685.559	176.300.685.559
- Tăng khác	-	-	35.100.000	14.876.971.692	-	-	-	-	14.912.071.692
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	24.158.250.795	7.211.621.974	-	(38.581.494.743)	(7.211.621.974)
- Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(16.321.575.000)	(16.321.575.000)
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(7.831.000.000)	(2.000.000.000)	(9.831.000.000)
31/12/2010	254.466.600.000	228.290.181.700	-	13.227.476.717	78.244.285.736	12.997.624.401	-	176.300.685.559	763.526.854.113
01/01/2011	254.466.600.000	228.290.181.700	-	13.227.476.717	78.244.285.736	12.997.624.401	-	176.300.685.559	763.526.854.113
- Tăng vốn trong năm	181.644.400.000	127.151.080.000	-	-	-	-	-	-	308.795.480.000
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	-	220.430.274.255	220.430.274.255
- Tăng khác	-	-	-	6.986.489.982	262.855.765	-	-	-	7.249.345.747
- Phân phối lợi nhuận 2010	-	-	-	-	103.938.600.147	16.846.047.706	-	(176.300.685.559)	(55.516.037.706)
+ Trích lập các quỹ	-	-	-	-	103.938.600.147	16.846.047.706	-	(137.630.695.559)	(16.846.047.706)
+ Chưa cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	(38.169.990.000)	(38.169.990.000)
+ Lợi nhuận sau thuế để lại chưa quyết toán thuế	-	-	-	-	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
- Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	-	-	(13.227.476.717)	-	-	-	-	(13.227.476.717)
- Giảm khác	-	(113.000.000)	-	-	-	-	-	-	(113.000.000)
31/12/2011	436.111.000.000	355.328.261.700	-	6.986.489.982	182.445.741.648	29.843.672.107	-	220.430.274.255	1.231.145.439.692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Vốn góp của Nhà nước	60.000.000.000	36.000.000.000
Red River Holding	50.384.990.000	30.231.000.000
Ông Nguyễn Như So	45.555.000.000	18.333.000.000
Vốn góp của các đối tượng khác	280.171.010.000	169.902.600.000
	436.111.000.000	254.466.600.000

18.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	254.466.600.000	176.368.290.000
+ Vốn góp tăng trong năm	181.644.400.000	78.098.310.000
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	436.111.000.000	254.466.600.000
Lợi nhuận đã chia	176.300.685.559	54.903.069.743

18.4 CỔ PHIẾU

	31/12/2011	01/01/2011
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép ban hành	43.611.100	25.446.660
Số lượng cổ phiếu đã được phát hành và góp vốn đầy đủ	43.611.100	25.446.660
+ Cổ phiếu thường	43.611.100	25.446.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.611.100	25.446.660
+ Cổ phiếu thường	43.611.100	25.446.660
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

18.5 CÁC QUỸ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	182.445.741.648	78.244.285.736
Quỹ dự phòng tài chính	29.843.672.107	12.997.624.401
	212.289.413.755	91.241.910.137

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh.

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

19. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	31/12/2011	01/01/2011
	VND	VND
Ông Đường Ngọc Hà	-	2.150.000.000
Công ty Đầu tư Tài chính SMIC	-	2.150.000.000
Bà Trần Thị Ánh Nguyệt	-	6.250.000.000
Bà Nguyễn Thị Tân Hòa	-	1.250.000.000
	-	11.800.000.000

Ngày 28/02/2011 Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu cho Bà Trần Thị Ánh Nguyệt, nên đến 31/12/2011 không tồn tại lợi ích của công đồng thiểu số.

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHAI (TIẾP)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

20. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Từ 01/01/2011 đến 31/12/2011	Sản xuất và bán thực ăn chăn nuôi	Chăn nuôi gia súc, vật nuôi VND	Kinh doanh bất động sản VND	Gia công và chế biến thực phẩm VND	Khác VND	Loại trừ VND	Tổng cộng VND
Tổng doanh thu từ các giao dịch với bên ngoài	3.700.965.964.866	93.622.047.852	2.042.808.044	88.018.275.367	163.011.626.094	-	4.047.660.722.223
Các khoản giảm trừ doanh thu	(129.331.040.627)	-	-	(86.849.050)	(56.880.000)	-	(129.674.769.677)
Tổng cộng	3.571.434.924.239	93.622.047.852	2.042.808.044	87.931.426.317	162.954.746.094	-	3.917.985.952.546
<i>Tổng doanh thu từ giao dịch giữa các bộ phận</i>	<i>430.336.817.339</i>	<i>125.646.657.398</i>	-	<i>442.003.211.307</i>	<i>3.446.707.785</i>	<i>(1.001.433.393.829)</i>	-
Tổng cộng	430.336.817.339	125.646.657.398	-	442.003.211.307	3.446.707.785	(1.001.433.393.829)	-
Tổng doanh thu theo bộ phận	4.001.771.741.578	219.268.705.250	2.042.808.044	529.934.637.624	166.401.453.879	(1.001.433.393.829)	3.917.985.952.546
Chi phí theo bộ phận	3.725.671.360.605	(186.925.483.281)	(2.176.880.822)	(502.941.827.121)	(145.213.699.250)	1.001.433.393.829	(3.561.493.857.250)
Chi phí hoạt động trực tiếp	276.100.380.973	32.348.221.969	(134.072.778)	26.992.810.503	21.187.754.629	-	356.492.095.296
Kết quả hoạt động theo bộ phận	(34.345.742.744)	(14.884.513.069)	(148.563.312)	(9.021.771.799)	(8.335.568.918)	-	(65.375.459.842)
Khấu hao và phân bổ	(28.332.510.819)	(4.285.622.668)	283.578.806	(22.511.861.684)	(6.508.599.689)	-	(71.335.016.054)
Thu nhập(chi phí) tài chính	2.982.794.544	11.863.853.175	-	(41.658)	3.000.084.429	-	17.998.321.388
Thu nhập(chi phí) khác	216.364.921.954	16.438.939.407	901.958	(1.540.038.551)	6.495.216.920	-	237.759.940.788

Tài sản

Tài sản		Nợ phải trả
Tài sản ngắn hạn		Nợ ngắn hạn
Tài sản dài hạn		Nợ dài hạn
Tổng tài sản		Tổng nợ phải trả

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
+ Doanh thu bán thức ăn chăn nuôi	2.797.948.109.558	1.530.939.001.365
Doanh thu bán nguyên liệu chế biến thức ăn + chăn nuôi	120.878.711.510	151.083.840.153
+ Doanh thu bán xăng dầu	13.756.362.699	10.750.111.571
+ Doanh thu bán ngan, gà giống	24.494.319.550	153.764.845.867
+ Doanh thu bán lợn giống	101.750.363.000	151.704.081.630
+ Doanh thu bán hàng hóa khác	352.208.905.280	265.460.300.938
+ Doanh thu bán thực phẩm đã chế biến	516.840.817.699	26.817.575.612
+ Doanh thu bất động sản	10.816.519.093	280.414.423.850
+ Doanh thu bán bao bì	48.331.634.994	-
+ Doanh thu Cảng Tân chỉ, hoạt động xây dựng	60.634.978.840	-
	4.047.660.722.223	2.570.934.180.986

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	124.275.108.835	48.992.684.049
+ Giảm giá hàng bán	56.880.000	22.426.000
+ Hàng bán bị trả lại	5.342.780.842	4.141.744.733
	129.674.769.677	53.156.854.782

23. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Doanh thu thuần		
Trong đó:		
+ Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.917.985.952.546	2.517.777.326.204
	3.917.985.952.546	2.517.777.326.204

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN DABACO VIỆT NAM

Đường Lý Thái Tổ, TP. Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
+ Giá vốn bán thức ăn chăn nuôi	2.346.228.573.652	1.284.839.375.476
+ Giá vốn bán nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi	111.129.751.825	373.984.694.413
+ Giá vốn bán xăng dầu	13.297.754.386	10.361.813.761
+ Giá vốn bán ngan, gà giống	21.102.477.460	119.486.769.498
+ Giá vốn bán lợn giống	76.651.513.277	140.847.177.681
+ Giá vốn bán hàng hóa thương mại, siêu thị	329.330.818.890	31.348.614.189
+ Giá vốn bán thực phẩm đã chế biến	478.756.628.229	24.192.740.811
+ Giá vốn bất động sản	43.616.838.320	186.771.297.945
+ Giá vốn bán bao bì tại Hiệp Quang	29.965.079.438	-
+ Giá vốn Cảng Tân chỉ, XD Hạ tầng	18.601.814.362	-
	3.468.681.249.839	2.171.832.483.774

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	57.096.497.805	18.035.925.399
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-	48.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	6.560.238.373	1.930.108.735
Lãi bán hàng trả chậm	349.316.000	-
Lãi bán cổ phiếu (*)	4.320.000.000	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	211.400.000
	68.326.052.178	20.225.434.134

(*) Phần lãi khi chuyển nhượng Công ty Cổ phần Dabaco Sông Hậu trong năm cho bà Trần Thị Ánh Nguyệt.

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí lãi vay	120.666.280.846	70.612.379.390
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	13.014.787.386	5.168.997.124
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	206.459.467
Chi phí phát hành trái phiếu	6.000.000.000	-
	139.681.068.232	75.987.835.981

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	28.172.620.684	14.897.568.287
Chi phí vật liệu, bao bì bán hàng	2.924.351.990	2.099.736.042
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	2.507.596.148	1.422.949.766
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.428.784.841	1.519.991.369
Chi phí dịch vụ mua ngoài	16.374.150.601	14.814.642.579
Chi phí bằng tiền khác	11.113.199.530	10.466.476.536
	65.520.703.794	45.221.364.579

28. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí nhân viên quản lý	37.284.811.416	17.811.603.376
Chi phí vật liệu quản lý	744.198.645	343.223.446
Chi phí đồ dùng văn phòng	6.034.570.997	1.583.781.958
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.589.605.577	7.467.185.741
Thuế phí, lệ phí	9.900.933.378	9.038.055.037
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.572.325.300	7.720.637.624
Chi phí bằng tiền khác	20.540.918.146	10.988.679.084
	92.667.363.459	54.953.166.266

29. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Thu tiền vệ sinh, phế liệu	829.326.782	871.363.986
Thu thanh lý tài sản	531.334.546	849.090.909
Bán gia súc, gia cầm chết hoặc loại	31.675.958.501	16.116.614.938
Nguyên liệu thừa trong kiểm kê	48.562.000	1.573.645.225
Thu nhập nhận hỗ trợ từ ngân sách nhà nước	2.460.936.000	8.559.979.000
Thu phạt	565.695.325	2.204.792.500
Thu nhập khác	2.457.473.422	878.010.631
Thu nhập từ điều chuyển công nợ khách hàng	656.773.713	-
	39.226.060.289	31.053.497.189

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

30. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thanh lý nguyên vật liệu	1.392.066.305	765.087.251
Chi phí thanh lý tài sản	678.112.263	811.405.063
Giá vốn bán gia súc, gia cầm chết hoặc loại	17.740.602.972	15.371.085.708
Chi phí khác	862.378.698	1.735.333.904
Thanh toán tiền xử lý nợ và tài sản	554.578.663	-
	21.227.738.901	18.682.911.926

31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	17.329.666.533	26.077.809.442
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	17.329.666.533	26.077.809.442

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU VÀ LÃI PHA LOÃNG TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

32.1 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	220.430.274.255	176.300.685.559
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm	41.340.545	25.446.660
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.332	6.928

32.2 SỐ CỔ PHIẾU BÌNH QUÂN GIA QUYỀN ĐANG LƯU HÀNH

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	25.446.660	25.446.660
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành trong năm	18.164.440	-
Cổ phiếu quỹ	-	-
Tổng số cổ phiếu bình quân gia quyền trong năm	41.340.545	25.446.660

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

32.3 LÃI PHA LOÃNG TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

	Năm 2011 VND
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	220.430.274.255
Tiền lãi trái phiếu chuyển đổi hạch toán vào kết quả kinh doanh	-
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng	220.430.274.255
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong năm	41.340.545
Số lượng cổ phiếu bình quân được chuyển đổi từ trái phiếu (*)	4.199.003
Số cổ phiếu bình quân lưu hành được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng trong năm	45.539.548
Lãi pha loãng trên mỗi cổ phiếu (VND)	4.840

(*) Số lượng cổ phiếu bình quân được tính từ số lượng trái phiếu đã chuyển đổi thành cổ phiếu tại ngày 15/02/2012, Chi tiết xem tại Thuyết minh số 33.1 - Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính.

33 THÔNG TIN KHÁC

33.1 SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ngày 15/02/2012, Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam đã có Thông báo chính thức về việc chuyển đổi trái phiếu DBCCB2011 thành cổ phiếu. Theo đó,

- Tổng Giá trị trái phiếu có quyền chuyển đổi Đợt 1/2012: 127.233.300.000 đồng;
- Giá chuyển đổi 14.000 đồng/cổ phiếu;
- Tổng khối lượng trái phiếu đã chuyển đổi: 671.872 trái phiếu (chiếm 52,81% trên tổng số trái phiếu có quyền chuyển đổi);
- Tổng giá trị Trái phiếu đã chuyển đổi: 67.187.200.000 đồng;
- Loại cổ phiếu: Cổ phiếu phổ thông;
- Mệnh giá: 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu đã được chuyển đổi: 4.798.860 cổ phiếu;
- Tổng giá trị cổ phiếu đã được chuyển đổi: 47.988.600.000 đồng.

33.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2010 của Công ty đã được kiểm toán.

Người lập

Nguyễn Thị Thanh Huyền

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thu Hương

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 02 năm 2012

Tổng Giám đốc



Nguyễn Như So